

Châu Thành, ngày 05 tháng 4 năm 2025.

THÔNG BÁO MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần cấp nước sinh hoạt Châu Thành.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước sinh hoạt Châu Thành trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, cụ thể như sau:

1. Thời gian tổ chức:

- Thời gian: 13 giờ 30 phút ngày 28/04/2025.
- Địa điểm: Hội trường UBND xã Tam Phước.
- Địa chỉ: Số 189A Ấp Thạnh Hựu, Xã Tam Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre.

2. Nội dung chính của Đại hội:

- Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025;
- Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025;
- Quy chế bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028;
- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025;
- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025;
- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025;
- Tờ trình Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024;
- Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch năm 2025;
- Tờ trình báo cáo tiền lương, thù lao, tiền thưởng của HĐQT, BKS năm 2024 và kế hoạch năm 2025;
- Tờ trình thông qua Điều lệ mới Công ty cổ phần cấp nước sinh hoạt Châu Thành;

- Tờ trình hủy tư cách Công ty đại chúng, hủy đăng ký niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), hủy đăng ký chứng khoán tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC);

- Tờ trình miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát và bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028;

- Tờ trình thông qua danh sách ứng viên bầu cử bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028;

- Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

3. Tài liệu đại hội: Quý cổ đông có thể nhận tại:

- Trụ sở chính Công ty cổ phần cấp nước sinh hoạt Châu Thành (Số 539B, ấp Thạnh Hựu, Xã Tam Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre) hoặc:

- Truy cập từ website của Công ty: chauthanhwaco.vn

4. Quý cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội xin vui lòng mang theo các giấy tờ sau:

- Giấy CMND/CCCD/Hộ chiếu;
- Thông báo mời họp;
- Giấy ủy quyền và Thông báo mời họp của cá nhân/tổ chức ủy quyền (trường hợp Quý cổ đông được ủy quyền tham dự Đại hội).

Rất hân hạnh được đón tiếp Quý cổ đông./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



TẶNG VĂN HÙNG



DANH MỤC NỘI DUNG ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG NĂM 2025



1. Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025;
2. Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025;
3. Quy chế bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028;
4. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025;
5. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025;
6. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025;
7. Tờ trình Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024;
8. Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch năm 2025;
9. Tờ trình báo cáo tiền lương, thù lao, tiền thưởng của HĐQT, BKS năm 2024 và kế hoạch năm 2025;
10. Tờ trình thông qua Điều lệ mới Công ty cổ phần cấp nước sinh hoạt Châu Thành;
11. Tờ trình hủy tư cách Công ty đại chúng, hủy đăng ký niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), hủy đăng ký chứng khoán tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC);

12. Tờ trình miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát và bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028;
13. Tờ trình thông qua danh sách ứng viên bầu cử bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028;
14. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.





**CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2025**

(Bắt đầu lúc 13 giờ 30 phút ngày 28 tháng 04 năm 2025)

Thời gian	Nội dung	Chủ trì
13h30 -14h00	- Đón tiếp đại biểu và cổ đông; - Kiểm tra tư cách đại biểu, phát phiếu biểu quyết, thẻ biểu quyết và Tài liệu Đại hội.	Ban tổ chức
14h00-14h15	- Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội; - Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu; - Giới thiệu & Thông qua Đoàn chủ tọa, Ban kiểm phiếu; - Giới thiệu Ban thư ký Đại hội.	Ban tổ chức
14h15-14h20	- Thông qua chương trình Đại hội; - Thông qua Quy chế tổ chức của Đại hội;	Chủ tọa đoàn
14h20-14h40	Các báo cáo tại Đại hội: - Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025; - Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025; - Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025;	Đoàn chủ tọa Đại diện BKS
14h40-15h10	Nội dung các tờ trình: - Tờ trình Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024; - Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch năm 2025; - Tờ trình báo cáo tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2024 và kế hoạch năm 2025; - Tờ trình thông qua Điều lệ mới của Công ty cổ phần cấp nước sinh hoạt Châu Thành. - Tờ trình hủy tư cách Công ty đại chúng, hủy đăng ký niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), hủy đăng ký chứng	Đoàn chủ tọa

**CHAUTHANHWACO****CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH**

📍 Ấp Thạnh Hựu, xã Tam Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

☎ 0275 3 869 852 🌐 chauthanhwaco.vn MST: 130 1064 707

	khoán tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC); - Tờ trình miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát và bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028;	
15h10-15h40	- Thảo luận của các cổ đông về các nội dung do HĐQT và BKS trình bày; - Ý kiến của Chủ tọa Đại hội về tiếp thu các ý kiến của các cổ đông; - Biểu quyết thông qua các nội dung do HĐQT và BKS trình bày;	Đoàn chủ tọa Cổ đông bỏ phiếu
15h40-16h00	- Thông qua Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028; - Tờ trình thông qua danh sách ứng cử viên tham gia bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028;	
16h00-16h15	- Biểu quyết thông qua Quy chế bầu cử và danh sách ứng cử viên tham gia bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028; - Bầu cử Ban Kiểm soát;	
16h15-16h30	Đại hội giải lao - kiểm phiếu	Ban kiểm phiếu
16h30-16h40	Công bố kết quả kiểm phiếu	Ban kiểm phiếu
16h40-16h50	- Thông qua Biên bản Đại hội; - Thông qua Nghị quyết Đại hội;	Đoàn chủ tọa/ Ban Thư ký
16h50-17h00	- Bế mạc Đại hội.	Đoàn chủ tọa

BAN TỔ CHỨC



DỰ THẢO

QUY CHẾ TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần cấp nước Sinh hoạt Châu Thành.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần cấp nước sinh hoạt Châu Thành diễn ra nhanh chóng, thuận lợi, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông, tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam. Ban tổ chức Đại hội kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội với các nội dung chính như sau:

I. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG KHI THAM DỰ ĐẠI HỘI:

1. Quyền của Cổ đông khi tham dự Đại hội

Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty cổ phần cấp nước sinh hoạt Châu Thành (Điều lệ).

Được Ban Tổ chức Đại hội thông báo công khai nội dung chương trình Đại hội.

Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền khi tham dự họp Đại hội được thảo luận và tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung được nêu trong chương trình của Đại hội.

Tại Đại hội, mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tới tham dự họp Đại hội được nhận Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử - trong đó có ghi Tên cổ đông, Mã số đăng ký tham dự, Số cổ phần có quyền biểu quyết sau khi đăng ký tham dự họp Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông.

Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự họp Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu có mặt tại Đại hội.

Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền đến dự họp Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng.

2. Nghĩa vụ của Cổ đông khi tham dự họp Đại hội

Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự họp Đại hội phải mang theo Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (nếu có) hoặc văn bản cử người đại diện phần vốn đối với cổ đông là tổ chức (đối với đại diện theo ủy quyền) và đăng ký tham dự Đại hội với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông.

Tuân thủ các quy định tại Quy chế này, sự điều khiển của Chủ tọa và tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

II. CÁC QUY ĐỊNH TẠI ĐẠI HỘI:

1. Đăng ký tham dự Đại hội và điều kiện để tổ chức Đại hội:

1.1. Điều kiện tham dự Đại hội

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần Công ty cổ phần cấp nước sinh hoạt Châu Thành theo danh sách chốt đến ngày 27/03/2025 của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Cổ đông có tên trong danh sách trên được ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội.

1.2. Thủ tục đăng ký tham dự Đại hội

a. Cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:

- Giấy chứng minh nhân dân/căn cước công dân hoặc hộ chiếu;
- Bản chính Phiếu đăng ký/Giấy ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ (trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội).

b. Các cổ đông hoặc người được ủy quyền khi đến tham dự Đại hội phải đăng ký với Ban kiểm tra tư cách cổ đông và xuất trình các giấy tờ trên để nhận Tài liệu Đại hội, Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, trong đó:

- Thẻ biểu quyết (Có thông tin về Mã số biểu quyết; Số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu và/hoặc được ủy quyền))
- Phiếu biểu quyết (Có thông tin về nội dung các vấn đề cần biểu quyết thông qua hình thức đánh dấu vào ô tương ứng (Đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến))

Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến trễ sau khi Đại hội đã khai mạc thì sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp sẽ được tham dự và tham gia biểu quyết về các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

1.3. Điều kiện để tổ chức Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp và ủy quyền tham dự đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo Danh sách cổ đông chốt ngày 27/03/2025.

2. Ban tổ chức Đại hội

2.1. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông

- Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 nên Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty theo Điều 146 của Luật Doanh nghiệp.

- Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông:

🚦 Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự và thành công tốt đẹp, đáp ứng được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

🚦 Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận.

🚦 Trình dự thảo về những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.

🚦 Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu hoặc chỉ định người trả lời.

2.2. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội do Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập. Ban thẩm tra tư cách cổ đông dự Đại hội có trách nhiệm:

- Kiểm tra tư cách của cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự họp, xác định tính hợp lệ theo quy định của pháp luật và đối chiếu với Danh sách cổ đông có quyền dự họp đã chốt ngày 27/03/2025;

- Phát tài liệu Đại hội và các Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết;

- Báo cáo trước Đại hội và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm tra tư cách cổ đông dự Đại hội trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

2.3. Ban Thư ký Đại hội

- Ban Thư ký Đại hội đồng cổ đông do Chủ tọa Đại hội cử ra theo Điều 146 của Luật Doanh nghiệp.

- Ban Thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, bao gồm:

🚦 Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ các nội dung tại Đại hội.

🚦 Hỗ trợ Chủ tọa công bố Biên bản và Dự thảo Nghị quyết Đại hội.

🚦 Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của cổ đông.

2.4. Ban Kiểm phiếu biểu quyết

- Ban Kiểm phiếu biểu quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội.

- Ban Kiểm phiếu biểu quyết có nhiệm vụ:

🌈 Ghi nhận kết quả biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.

🌈 Tổng hợp và báo cáo Chủ tọa, Ban thư ký kết quả biểu quyết từng vấn đề tại Đại hội.

🌈 Tiến hành thu phiếu bầu cử, kiểm phiếu, lập biên bản và báo cáo trước Đại hội về kết quả bầu cử.

🌈 Xem xét và báo cáo Đại hội quyết định những vấn đề phát sinh liên quan đến bầu cử.

3. Thảo luận và phát biểu ý kiến tại Đại hội.

Tại Đại hội, cổ đông hoặc người được ủy quyền có quyền thảo luận và phát biểu ý kiến nhưng phải tuân thủ các quy định sau:

- Được sự chấp thuận của chủ tọa;
- Phải nêu tên, mã số cổ đông trước khi phát biểu;
- Nội dung phát biểu phải ngắn gọn, phù hợp với chương trình Đại hội và tránh trùng lặp với các nội dung đã được phát biểu trước;
- Thời gian phát biểu không quá 03 phút cho 01 lần phát biểu;
- Cổ đông tham dự Đại hội cũng có thể ghi các nội dung vào giấy để chuyển cho Ban thư ký tập hợp.

4. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội.

4.1. Thể lệ biểu quyết

Tất cả các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải thông qua bằng cách: Lấy ý kiến biểu quyết của tất cả cổ đông hoặc đại diện cho cổ đông tham dự Đại hội bằng Thẻ biểu quyết hoặc Phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu.

❖ Hình thức biểu quyết: Có 2 hình thức là giơ thẻ và bỏ phiếu

- Giơ thẻ Thông qua các nội dung: Chương trình Đại hội, Quy chế tổ chức của Đại hội, Đoàn chủ tọa, thành phần Ban kiểm phiếu, Ban thư ký của Đại hội, Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

- Bỏ phiếu: Biểu quyết nội dung các Tờ trình tại Đại hội.

❖ Cách thức biểu quyết:

□ Giơ thẻ: theo hướng dẫn của Chủ tọa đại hội, cổ đông lần lượt biểu quyết ý kiến: (đồng ý, không đồng ý hay không có ý kiến) một vấn đề bằng cách giơ thẻ biểu quyết. Khi biểu quyết, mặt trước của thẻ biểu quyết phải được hướng về phía Chủ tọa. Những cổ đông không giơ thẻ biểu quyết cả 3 hình thức lấy ý kiến trên được xem là không có ý kiến về vấn đề cần biểu quyết.

□ Bỏ phiếu:

Cổ đông biểu quyết bằng cách lựa chọn đánh dấu “X” vào ô tương ứng trên Phiếu biểu quyết (đồng ý, không đồng ý hay không có ý kiến). Những cổ đông không chọn phương án biểu quyết nào đối với 01 vấn đề được xem là không có ý kiến về vấn đề cần biểu quyết.

Cổ đông bỏ phiếu biểu quyết đã được đánh dấu chọn vào thùng phiếu theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu.

4.2 Nguyên tắc thông qua các nội dung xin ý kiến Đại hội

Cổ đông, đại diện cho cổ đông có quyền tham dự Đại hội đều có quyền biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội, quyền biểu quyết, tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện sở hữu.

Các nội dung trình Đại hội sẽ được lấy ý kiến biểu quyết và chỉ được thông qua khi có trên 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông và đại diện cho cổ đông dự Đại hội chấp thuận.

5. Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên

- Biên bản và Nghị quyết họp đại hội đồng cổ đông thường niên phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

- Biên bản và Nghị quyết họp đại hội đồng cổ đông thường niên được lưu giữ tại Công ty cổ phần cấp nước sinh hoạt Châu Thành và sẽ được đăng tải lên Website của Công ty.

Quy chế này sẽ chính thức có hiệu lực và được áp dụng ngay tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Cấp nước Sinh hoạt Châu Thành sau khi được trên 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông dự họp chấp thuận.

Các cổ đông, thành viên Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần Cấp nước sinh hoạt Châu Thành chịu trách nhiệm thi hành./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Tăng Văn Hưng



DỰ THẢO

QUY CHẾ BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2023-2028

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần cấp nước Sinh hoạt Châu Thành.

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng thực hiện bầu cử

1.1. Quy chế này được sử dụng cho việc bầu cử bổ sung thành viên Ban Kiểm soát (“BKS”) Công ty cổ phần cấp nước sinh hoạt Châu Thành nhiệm kỳ 2023 - 2028 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (“**DHĐCĐ**” hoặc “**Đại Hội**”).

1.2. Đối tượng thực hiện bầu cử: Là các cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết hoặc người đại diện theo ủy quyền dự họp của cổ đông có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông của Công ty tại ngày lập Danh sách cổ đông tham dự Đại Hội) có mặt tại Đại Hội.

CHƯƠNG II. ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS

2.1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp năm 2020;

2.2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

2.3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý công ty khác;

2.4. Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

2.5. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Quyền đề cử, ứng cử ứng viên thành viên BKS và số lượng thành viên được bầu

3.1. Đề cử ứng viên thành viên BKS nhiệm kỳ 2023 - 2028:

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền gộp số cổ phần có quyền biểu quyết của từng cổ đông lại với nhau để đạt tối thiểu 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty để đề cử các ứng viên thành viên BKS. cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm này được quyền đề cử đủ số ứng viên BKS theo quy định tại Khoản 3.2 Điều 4 Quy chế này.

b) Trường hợp không có cổ đông/nhóm cổ đông nào đề cử hoặc số lượng các ứng viên thành viên BKS thông qua đề cử vẫn không đủ số lượng và cơ cấu tối thiểu theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật, BKS đương nhiệm có quyền đề cử hoặc HĐQT giới thiệu ứng viên cho đủ số lượng ứng viên cần thiết. Danh sách các ứng viên do BKS đương nhiệm đề cử được công bố rõ ràng tại cuộc họp ĐHĐCĐ trước khi tiến hành bầu cử.

c) Đối với cổ đông là tổ chức, phiếu đề cử phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền hợp lệ cho tổng số cổ phần của tổ chức và đóng dấu của tổ chức đó.

d) Người tự ứng cử và được đề cử (sau đây gọi chung là ứng cử viên) phải gửi hồ sơ ứng cử hợp lệ và đúng hạn theo quy định.

3.2. Số lượng thành viên BKS được bầu bổ sung là: 01 thành viên.

3.3. Tổng số lượng thành viên BKS nhiệm kỳ 2023 - 2028 sau khi được bầu bổ sung là: 03 thành viên.

Điều 4. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử thành viên BKS

4.1. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử thành viên BKS bao gồm:

- a) Đơn đề cử, ứng cử thành viên BKS (theo mẫu);
- b) Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai (theo mẫu);
- c) Bản sao Chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu và các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn; và
- d) Giấy ủy quyền đề cử hợp lệ (trong trường hợp cổ đông ủy quyền cho người khác đề cử).

4.2. Để đảm bảo công tác kiểm tra hồ sơ ứng viên và công tác chuẩn bị tài liệu trình Đại Hội của Ban Tổ chức, hồ sơ tham gia đề cử/ứng cử phải được gửi về Ban tổ

chức Đại Hội của Công ty trước 17h00 ngày 17/04/2025 theo địa chỉ sau đây:

Công ty Cổ phần cấp nước sinh hoạt Châu Thành. Văn phòng Công ty: Số 539B, Ấp Thạnh Hựu, Xã Tam Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre.

Điện thoại: 0932 580068.

4.3. Chỉ những hồ sơ đề cử/ứng cử đáp ứng đủ điều kiện đề cử/ứng cử và những ứng viên đáp ứng đủ điều kiện của thành viên BKS theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế bầu cử này mới được đưa vào danh sách ứng viên công bố tại Đại Hội.

CHƯƠNG III. BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 5. Phương thức bầu cử và nguyên tắc trúng cử

5.1. Việc bầu thành viên BKS được thực hiện thông qua việc bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu.

5.2. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu;

5.3. Cổ đông có thể dồn hết tổng số phiếu bầu cho một hoặc phân chia tổng số phiếu bầu cho các ứng viên;

5.4. Tổng số phiếu bầu cho các ứng viên của một cổ đông không vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó.

Điều 6. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

6.1. Mỗi cổ đông/người được ủy quyền dự họp sẽ được cấp một Phiếu bầu cử thành viên BKS trên đó có ghi thông tin cổ đông, số cổ phần và tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông tương ứng với số thành viên được bầu, danh sách các ứng viên bầu thành viên BKS. Phiếu bầu cử được đóng dấu của Công ty.

6.2. Phiếu bầu cử hợp lệ khi có đủ các điều kiện sau:

a) Phiếu bầu cho ứng viên có tên trong danh sách và trong phạm vi số lượng thành viên cần bầu đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu.

b) Tổng số phiếu bầu nhỏ hơn hoặc bằng ($\leq$) tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó (tổng số phiếu bầu được phép bằng số cổ phần có quyền biểu quyết nhân với số thành viên được bầu).

c) Không thuộc trường hợp quy định tại Mục 6.3 Điều này.

6.3. Phiếu bầu cử không hợp lệ nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Phiếu bầu cử không phải do Ban tổ chức Đại Hội phát ra;
- b) Phiếu bầu cử không có dấu của Công Ty;
- c) Phiếu bầu cử bị rách, gach, tẩy xóa, sửa chữa, ghi thêm tên ứng viên không thuộc danh sách ứng viên đã được công bố tại Đại Hội trước khi tiến hành bỏ phiếu;
- d) Phiếu bầu cử ghi thêm những thông tin khác, thêm ký hiệu không phù hợp;
- e) Phiếu bầu cử có tổng số phiếu bầu cho những ứng viên vượt quá tổng số phiếu được phép bầu của cổ đông đó;
- f) Phiếu bầu cử cho tổng số ứng viên vượt quá số lượng thành viên được bầu;
- g) Phiếu bầu cử không có chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông;
- h) Phiếu bầu cử nộp cho Ban kiểm phiếu sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và thùng phiếu đã được niêm phong.

6.4. Các Phiếu bầu cử không hợp lệ không được tính vào kết quả bầu cử.

6.5. Cách ghi Phiếu bầu cử:

Cổ đông có quyền lựa chọn một trong các cách ghi phiếu như sau:

(a) Ghi số phiếu muốn bầu vào cột số phiếu bầu:

+ Khi đồng ý bầu cho ứng viên, cổ đông viết số phiếu muốn bầu vào cột “Số phiếu bầu” tại dòng tương ứng với tên ứng viên đó. số phiếu này không vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông.

+ Nếu không bầu cho ứng viên nào, cổ đông điền số “0” hoặc bỏ trống cột “Số phiếu bầu” tại dòng tương ứng với tên ứng viên

Hoặc:

(b) Tích dấu (x) hoặc dấu (Ý) vào cột số phiếu bầu:

+ Khi đồng ý bầu dồn toàn bộ phiếu cho 1 ứng viên: tích vào cột số phiếu bầu tại dòng tương ứng với tên ứng viên đó.

+ Khi bầu đều phiếu cho các ứng viên: tích vào cột số phiếu bầu tại dòng tương ứng với tên của các ứng viên được bầu.

Cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông dự họp có thể dồn phiếu bầu cho một hoặc phân chia phiếu bầu cho các ứng viên hoặc không bầu cho ứng viên nào.

6.6. Trường hợp cổ đông trong quá trình ghi Phiếu bầu cử bị nhầm lẫn, với điều kiện chưa bỏ vào thùng phiếu, thì được quyền trực tiếp gặp Trưởng ban kiểm phiếu để đổi lại Phiếu bầu cử nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.

Điều 7. Nguyên tắc bỏ phiếu bầu cử thành viên BKS

7.1. Ban kiểm phiếu sẽ lập thùng phiếu bầu cử thành viên BKS. Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông.

7.2. Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Chủ tọa cuộc họp hoặc Trưởng ban kiểm phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu hoặc sau 15 phút kể từ thời điểm bắt đầu tùy thuộc vào sự việc nào đến trước. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, thùng phiếu sẽ được Ban kiểm phiếu niêm phong trước sự chứng kiến của các cổ đông.

7.3. Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và thùng phiếu được niêm phong.

7.4. Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại Hội.

Điều 8. Nguyên tắc trúng cử thành viên BKS

8.1. Người trúng cử thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu cử.

8.2. Trường hợp có từ hai (02) ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu cao nhất như nhau thì ĐHĐCĐ sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau.

Điều 9. Công bố kết quả kiểm phiếu

9.1. Căn cứ vào Biên bản kiểm phiếu, kết quả bầu cử phải được Ban Kiểm phiếu công bố ngay tại Đại Hội.

9.2. Nội dung Biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia và ủy quyền dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, số phiếu hợp lệ, số phiếu không hợp lệ, số phiếu bầu cho từng ứng viên BKS.

9.3. Kết quả trúng cử sẽ được ghi nhận tại Nghị quyết của Đại Hội.

Điều 10. Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu

Những khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu tại Đại Hội sẽ do Chủ tọa Đại Hội giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Quy chế bầu cử này gồm 03 Chương, 11 Điều, có hiệu lực sau khi được ĐHĐCĐ thông qua và chỉ áp dụng cho việc bầu cử bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2023 - 2028 tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công ty.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Tăng Văn Hưng



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Công ty cổ phần cấp nước sinh hoạt Châu Thành xin báo cáo tóm tắt kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch kinh doanh năm 2025, như sau:

I. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024:

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đề ra

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ đạt % so với Kế hoạch
1	Sản lượng nước sản xuất (m ³)	5.282.180	5.319.918	101%
2	Tỷ lệ thất thoát	26%	28%	108%
3	Sản lượng nước tiêu thụ (m ³)	3.908.814	3.830.341	98%
4	Doanh thu tiền nước, cung cấp dịch vụ, hoạt động tài chính và thu nhập khác.	36.319.050.832	35.973.500.766	99%
5	Tổng chi phí	30.703.085.964	28.372.301.907	92%
6	Lợi nhuận trước thuế	5.615.964.869	7.601.198.859	135%
7	Nộp thuế TNDN 20%	1.123.192.974	1.565.571.572	139%
8	Lợi nhuận sau thuế	4.492.771.895	6.035.627.287	134%

2. Về sản lượng nước và doanh thu:

- Sản lượng nước sản xuất tuy có tăng nhưng sản lượng tiêu thụ giảm 2% so với kế hoạch là do trong năm 2024 hạn mặn diễn ra gay gắt trong thời gian dài, để ứng phó với hạn mặn Công ty đã thực hiện việc chuyên chở và cấp nước ngọt miễn phí cho người dân liên tục từ tháng 01 cho đến hết tháng 04, dẫn đến nhu cầu tiêu thụ nước của khách hàng giảm so với kế hoạch năm 2024 và thực hiện năm 2023. Ngoài ra, trong năm 2024 cũng bị xảy ra sự cố bể một số tuyến ống lớn, thất thoát nhiều nhất là bể ống



CHAUTHANHWACO

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH

📍 Ấp Thạnh Hựu, xã Tam Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

☎ 0275 3 869 852

🌐 chauthanhwaco.vn

MST: 130 1064 707

đường kính 250 cm thường xuyên do sạt lở bờ kè và thi công lại bờ kè An Hoà.

- Doanh thu tiền nước, cung cấp dịch vụ, hoạt động tài chính và thu nhập khác năm 2024 đạt 99% kế hoạch được giao. Doanh thu không đạt theo kế hoạch là do sản lượng nước tiêu thụ giảm so với kế hoạch đề ra.

- Trước thực trạng giảm doanh thu, Ban điều hành Công ty đã thực hiện triệt để việc tiết kiệm chi phí, đảm bảo Công ty hoạt động ổn định, phát triển. Theo đó tổng chi phí thực hiện trong năm 2024 giảm 2,3 tỷ so với chi phí kế hoạch, trong đó một số chi phí thực hiện giảm so với kế hoạch như: Chi phí liên quan đến người lao động giảm 5% tương đương 486 triệu đồng; Chi phí sản xuất sửa chữa vận hành hệ thống giảm hơn 1,5 tỷ đồng; chi phí khấu hao giảm 228 triệu đồng.

- Lợi nhuận sau thuế tăng **34%**, tương đương tăng 1,5 tỷ so với kế hoạch năm 2024. Lý do của việc tăng lợi nhuận trong năm 2024 so với kế hoạch là do chi phí giảm do trong năm 2024 Công ty thực hiện việc sửa chữa các tuyến ống ít hơn kế hoạch đề ra.

Đánh giá chung: Năm 2024, hạn mặn diễn ra gay gắt và kéo dài, ảnh hưởng nhiều đến kế hoạch kinh doanh của Công ty nhất là sản lượng nước tiêu thụ giảm và chi phí phục vụ trong mùa mặn (mua nước, thuê xe chở nước ngọt miễn phí cấp cho người dân). Tuy nhiên, do nhà máy Tam Phước đang trong giai đoạn xây dựng nên một số tuyến ống cần đầu tư để phục vụ khi nhà máy đưa vào hoạt động chưa được thực hiện, do đó chi phí thực tế trong năm 2024 giảm, dẫn đến lợi nhuận năm 2024 tăng so với kế hoạch.

2. Về công tác phát triển, quản lý và chăm sóc khách hàng

- Công ty lắp đặt 100% các đề nghị lắp đặt đồng hồ mới của khách hàng trong năm 2024, với số lượng khách hàng đã thực hiện lắp đặt mới là **453** khách hàng, giảm 148 khách hàng so với năm 2023, và doanh thu dịch vụ trước thuế (lắp hộ, di dời đồng hồ, thay đồng hồ theo yêu cầu của khách hàng, thay val, tái lập nước...) đạt 523 triệu đồng.

- Thực hiện việc thay đồng hồ định kỳ đạt **4.158** đồng hồ trong năm 2024 và tăng 2.646 đồng hồ so với năm 2023. Lý do của số lượng đồng hồ thay định kỳ tăng mạnh trong năm 2024 là do số lượng đồng hồ trên đã đến thời hạn kiểm định, thay thế theo quy định.

- Công nợ tính đến 31/12/2024 của Công ty là **95.371.527** đồng, chiếm 0,3% trong tổng doanh thu tiền nước năm 2024. Trong đó công nợ đang thu là **33.320.315** đồng (chiếm 35%), nợ xấu khó đòi, nợ đã cắt nước **62.051.212** đồng (chiếm 65%).

- Số lượng khách hàng Công ty đang quản lý là: **20.987** khách hàng. Về mặt quản lý khách hàng, hàng tháng ngoài những khách hàng phát sinh chỉ số nước thì những khách hàng không phát sinh chỉ số nước, hoặc giảm chỉ số nước bất thường đều được

kiểm tra và xử lý kịp thời, tránh các trường hợp do hư lỗi của đồng hồ gây nên thất thoát nước.

3. Về công tác xây dựng cơ bản và quản lý hệ thống

3.1. Đầu tư xây dựng cơ bản

Nhà máy nước Tam Phước được khởi công xây dựng vào tháng 03/2024, tính đến ngày 31/12/2024 nhà máy đã xây dựng được 64% khối lượng công trình, số tiền đã thanh toán tạm ứng cho nhà thầu là hơn 14 tỷ đồng. Ngoài ra, trong năm 2024 đầu tư mới thêm tuyến ống cấp nước liên xã Phước Thạnh, Hữu Định thuộc huyện Châu Thành với chi phí trên 6 tỷ đồng nhằm giải quyết tình trạng nước yếu một số khu vực cuối nguồn xã Hữu Định.

3.2. Quản lý sửa chữa, di dời hệ thống đường ống cấp nước

- Trong năm bộ phận kỹ thuật có tiến hành khảo sát, lập kế hoạch và triển khai thực hiện các công trình:

+ Công trình di dời đại khởi thủy và đấu nối đường ống cấp nước các tuyến đường huyện Châu Thành thuộc dự án nhà máy nước Tam Phước.

+ Công trình di dời đại khởi thủy và đấu nối đường ống cấp nước trên QL 60 mới thuộc dự án nhà máy nước Tam Phước.

+ Công trình di dời đại khởi thủy và đấu nối đường ống cấp nước các tuyến ống mới liên xã Phước Thạnh, Hữu Định thuộc huyện Châu Thành.

+ Công trình di dời và cải tạo đường ống cấp nước trong phạm vi bảo vệ kết cấu mặt bằng đường Võ Tấn Nhứt.

+ Công trình di dời, cải tạo đường ống cấp nước HDPE D125 đường DX.04 xã An Phước.

+ Công trình lắp đặt mới đường ống cấp nước và đấu nối các tuyến tẻ của đường Tân Kế, thị trấn Châu Thành.

+ Và một số các công trình khác.

- Tập trung sửa chữa, khắc phục sự cố đường ống các khu vực trên địa bàn cung cấp nước, xả cặn các khu vực.

- Trong năm bộ phận kỹ thuật đã tiến hành lên kế hoạch lắp đặt cụm xúc xả đường ống bằng mút các khu vực các xã như: An Khánh, Thị Trấn, Tân Thạch, Qưới Sơn, Tam Phước, An Hiệp, Phước Thạnh... với tổng chiều dài 40 km.

4. Về công tác quản lý chất lượng nước

- Chất lượng nước tại nhà máy sản xuất ra được quản lý và giám sát theo đúng quy trình. Công ty đã trang bị máy móc, thiết bị đo đạc một số chỉ tiêu chính như Clo, độ PH, độ mặn, độ đục... tại các nhà máy, để kiểm soát chất lượng nước và nguyên vật liệu sản xuất.

- Thường xuyên thực hiện việc nội kiểm, xét nghiệm nước và công bố thông tin theo đúng quy định.

- Chất lượng nước trong hệ thống và tại nhà khách hàng đều được phòng Quản lý chất lượng lấy mẫu ngẫu nhiên và kiểm tra thường xuyên, hầu hết các chỉ tiêu đều đạt chất lượng theo quy định. Tuy nhiên, vào một số thời điểm do cúp điện hay bị sự cố thì có trường hợp nước bị đục cục bộ, những trường hợp trên đều được phòng Kỹ thuật xử lý súc xả cuối nguồn và trước đồng hồ của khách hàng.

5. Về tình hình tài sản

Tổng giá trị tài sản đến cuối năm 2024 là 63,497 tỷ đồng, tăng 2,67 tỷ đồng so với năm 2023. Về cơ cấu:

- Tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng 37% chủ yếu là tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, hàng tồn kho, tài sản ngắn hạn khác.

- Tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng 63% chủ yếu là tài sản cố định, tài sản dở dang dài hạn và tài sản dài hạn khác.

Năm 2024, tài sản Công ty tăng 2,67 tỷ đồng, trong đó tăng chủ yếu là mục xây dựng cơ bản dở dang kết chuyển vào TSCĐ như: Công trình xây dựng nhà máy nước Tam Phước; Công trình đầu tư xây dựng mới đường ống cấp nước liên xã Phước Thạnh, Hữu Định thuộc huyện Châu Thành; Đầu tư xây dựng mới đường ống HDPE D200 khoan ngầm qua rạch Cái Trăng của cầu Sông Nhỏ.

6. Công tác tổ chức, bộ máy lao động, nhân sự, tiền lương

- Về tổ chức bộ máy nhân sự, tổng số lao động của Công ty đến 31/12/2024 là 60 lao động. Trong đó:

- + 17 lao động nữ (chiếm 28,33%),
- + Lao động có trình độ Đại học và trên Đại học là 19 người, chiếm tỷ lệ 31,67%.
- + Trình độ Cao đẳng và Trung cấp là 23 người, chiếm tỷ lệ 38,33%.
- + Công nhân kỹ thuật là 18 người, chiếm tỷ lệ 30%.

- Về tiền lương, phụ cấp, lương ngoài giờ thực hiện trong năm 2024 so với kế hoạch như sau:

	Kế hoạch năm 2024	Thực tế năm 2024	% so với kế hoạch
Số lượng nhân sự (người)	63	60	95%
Lương cơ bản (đồng)	5.563.652.000	5.332.992.370	96%
Phụ cấp (đồng)	1.363.378.522	1.238.571.255	91%
Lương ngoài giờ (đồng)	612.001.720	577.597.052	94%
Lương theo sản phẩm (đồng)	350.000.000	304.085.260	87%
Chi phí bảo hiểm (đồng)	1.280.000.000	1.228.923.730	96%
Tổng cộng	9.169.032.242	8.682.169.667	95%

+ Công ty thực hiện tốt việc đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn cho người lao động.

- Về công tác tổ chức:

+ Nhân sự trong Công ty đã có ý thức tuân thủ nội quy lao động, các quy chế, quy trình, quy định đã ban hành.

+ Đối với các hoạt động tập thể, CBNV đã nhiệt tình tham gia và từng bước xây dựng nội bộ đoàn kết, đã có sự phối hợp tốt hơn trong công việc giữa các phòng ban.

+ Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBNV vào tháng 3/2024.

+ Đánh giá kết quả làm việc cuối năm, toàn Công ty có 07 cá nhân xếp loại A; 44 cá nhân xếp loại B, 04 cá nhân xếp loại C.

II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025:

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tăng/giảm so với năm trước
1	Sản lượng nước sản xuất (m ³)	5.319.918	5.434.943	102%
2	Tỷ lệ thất thoát	28%	26%	-2%

**CHAUTHANHWACO****CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH**

📍 Ấp Thạnh Hựu, xã Tam Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

☎ 0275 3 869 852

🌐 chauthanhwaco.vn

MST: 130 1064 707

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tăng/giảm so với năm trước
3	Sản lượng nước tiêu thụ (m ³)	3.830.341	4.021.858	5%
4	Doanh thu tiền nước, cung cấp dịch vụ, hoạt động tài chính và thu nhập khác	35.973.500.766	37.344.970.376	4%
5	Chi phí	28.372.301.907	34.606.795.728	22%
6	Lợi nhuận kế hoạch trước thuế	7.601.198.859	2.738.174.648	- 64%
7	Nộp thuế TNDN 20%	1.565.571.572	547.634.930	- 65%
8	Lợi nhuận sau thuế	6.035.627.287	2.190.539.718	- 65%

1. Về doanh thu :

1.1. Sản lượng nước tiêu thụ

- Nhà máy nước Tam Phước dự kiến hoàn tất xây dựng vào tháng 02/2025, sau khi thực hiện các thủ tục theo quy định nhà máy dự kiến đi vào khai thác sử dụng trong quý 2/2025. Nhà máy Tam Phước khi đi vào hoạt động giúp tăng áp lực nước một số khu vực thuộc nhà máy Thị trấn và một phần nhà máy An Hóa đang cấp, lượng nước sử dụng bình quân sẽ tăng từ 16 m³/tháng/khách hàng lên là 17 m³/tháng/khách hàng (tương đương lượng nước tiêu thụ bình quân hiện tại của các khách hàng của các khu vực do nhà máy An Phước đang cấp). Từ đó, sản lượng nước tiêu thụ trong năm 2025 dự kiến tăng thêm 134.062 m³ nước, tăng 3,5% so với năm 2024.

- Hạn mặn năm 2024 do hạn mặn diễn ra gay gắt và kéo dài, khách hàng sử dụng nước ít hơn do đó lượng nước thương phẩm bán ra thấp hơn năm 2023 là 1,5%, Theo dự báo năm 2025 hạn mặn diễn biến không gay gắt, và thời gian diễn ra hạn ngắn hơn. Do đó sản lượng nước tiêu thụ năm 2025 tăng thêm 1,5% so với năm 2024.

Từ các phân tích trên, dự kiến sản lượng nước tiêu thụ trong năm 2025 tăng thêm 5% so với năm 2024, đạt 4.021.858 m³.

1.2. Tỷ lệ thất thoát nước

- Theo kế hoạch trong năm 2025, Công ty sẽ tập trung ưu tiên một số tuyến ống nhưng phục vụ cho việc truyền dẫn nước từ nhà máy Tam Phước xuống bờ trợ cho các



nhà máy khác nhằm cung cấp đủ nước cho các khu vực đang thiếu nước khi nhà máy Tam Phước đi vào hoạt động. Do nguồn lực Công ty có hạn, việc sửa chữa, thay thế các tuyến ống xuống cấp gây thất thoát nhiều vẫn phải được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên, chưa được thay thế hoàn toàn nên tỷ lệ thất thoát nước dự kiến năm 2025 không giảm nhiều so với năm 2024.

1.3. Doanh thu

- Doanh thu tiền nước, cung cấp dịch vụ, hoạt động tài chính và thu nhập khác năm 2025 tăng 4% so với năm 2024, tương đương với số tiền 1,37 tỷ đồng (chủ yếu từ tăng sản lượng nước tiêu thụ). Doanh thu tài chính (tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng) từ 440 triệu đồng năm 2024 xuống còn 55 triệu đồng trong năm 2025 là do Công ty đã sử dụng nguồn tiền gửi tại ngân hàng thương mại vào việc xây dựng nhà máy nước Tam Phước và một số công trình khác.

2. Về chi phí:

Chi phí kế hoạch năm 2025 tăng 21% tương đương với số tiền 6 tỷ đồng so với thực hiện năm 2024, trong đó chi tiết như sau:

2.1. Chi phí liên quan đến người lao động: Dự kiến không tăng so với thực hiện năm 2024.

Năm 2025, công trình trọng điểm của Công ty là nhà máy Tam Phước đi vào hoạt động, một số chi phí tăng cao như chi phí tài chính, chi phí khấu hao... Do đó, để đảm bảo tình hình hoạt động của Công ty được ổn định, đồng thời vẫn khuyến khích tinh thần làm việc của người lao động. Công ty dự kiến chỉ áp dụng tăng lương đối với một số bộ phận có tính chất công việc nặng nhọc như công nhân kỹ thuật và một số trường hợp lương còn quá thấp so với mặt bằng chung, dẫn đến quỹ lương tăng 2% (trong đó lương cơ bản tăng nên lương ngoài giờ, lương tháng 13 và chi phí bảo hiểm và kinh phí công đoàn tăng theo). Về mức thù lao cho HĐQT, BKS, các chi phí phúc lợi cho người lao động không tăng so với năm 2024. Năm 2025, không áp dụng thưởng hiệu quả công việc cho HĐQT. Do đó, tính tổng chi phí liên quan đến người lao động trong năm 2025 không tăng so với năm 2024.

2.2. Chi phí sản xuất, sửa chữa và vận hành hệ thống tăng 5% (396 triệu đồng)

Chi phí này tăng chủ yếu là đơn giá tiền điện tăng, dự phòng cho nguyên vật liệu sản xuất và vật tư tăng giá trong năm 2025, ngoài ra do kế hoạch thay đồng hồ định kỳ trong năm 2025 dự kiến là 6.000 đồng hồ, tăng gần 2.000 đồng hồ so với năm 2024.

2.3. Chi phí khấu hao: dự kiến tăng 64% (5,3 tỷ đồng)

Giữa năm 2024, Công ty đã điều chỉnh thời gian khấu hao nhanh một số tài sản như máy móc thiết bị, hệ thống xử lý, hệ thống đường ống đã xuống cấp, công nghệ lạc hậu từ thời Ban quản lý để lại. Ngoài ra, theo kế hoạch nhà máy nước Tam Phước đưa

vào khấu hao từ tháng 05/2025 với giá trị 36 tỷ đồng, và một số tuyến ống có giá trị khoảng 21 tỷ đồng đưa vào khấu hao trong năm 2025.

2.4. Chi phí tài chính (chi phí lãi vay): Dự kiến phát sinh số tiền lãi vay trong năm 2025 là 800 triệu đồng.

Từ tháng 02/2025, Công ty thực hiện việc giải ngân theo tiến độ để chi trả cho việc xây dựng nhà máy nước Tam Phước, dự kiến số tiền giải ngân là 15 tỷ, với lãi suất 03 năm đầu là 7,9%/năm. Do đó chi phí trả lãi vay năm 2025 dự kiến là gần 800 triệu đồng.

2.5. Chi phí ứng phó trong mùa mặn năm 2025

- Năm 2025 theo nhận định nước mặn sẽ không gay gắt bằng năm 2024, tuy nhiên để đảm bảo tính chủ động trong công tác ứng phó hạn mặn Công ty cũng đã xây dựng kế hoạch ứng phó hạn mặn giống năm 2024. Công ty sẽ thực hiện việc cấp nước ngọt miễn phí đến tận nhà dân và các điểm lấy nước ngọt tập trung, tận dụng bồn chứa 5 khối mua từ năm 2024 nên chi phí ứng phó cho hạn mặn năm 2025 không tăng nhiều, chủ yếu chi phí mua nước và thuê xe chở nước.

3. Lợi nhuận

- Nhìn chung năm 2025 là năm có dấu ấn quan trọng khi nhà máy Tam Phước sau 05 năm triển khai mới hoàn tất đi vào hoạt động khai thác. Nhưng bên cạnh đó, để khai thác được hiệu quả của nhà máy cần thêm nhiều chi phí đầu tư các tuyến ống nhằm đầu nối vào các khu vực nước còn yếu để tăng sản lượng và doanh thu. Do đó, dù đã cố gắng hiệu quả các khoản thu chi nhưng năm 2025 cũng là năm khó khăn với Công ty khi chi phí tăng cao dẫn đến lợi nhuận sau thuế giảm 65% so với năm 2024.

III. Kế hoạch đầu tư xây dựng và mua sắm năm 2025

TT	Hạng mục đầu tư / mua sắm	Số tiền dự kiến (đồng)
1	Đầu tư xây dựng mới các tuyến ống Hữu Định, Phước Thạnh (đã thi công từ cuối năm 2024 và đầu năm 2025 đưa vào khai thác sử dụng)	6.049.111.071
2	Đầu tư xây dựng mới các tuyến ống Quới Sơn, Giao Long	7.523.744.296
3	Đầu tư xây dựng tuyến ống dẫn nước thải từ nhà máy Tam Phước ra cống Bà Chí	504.805.340
4	Xây dựng nhà máy nước Tam Phước và thi công các tuyến ống phục vụ cho việc cung cấp nước của nhà máy (đã thi công từ đầu năm 2024 và đưa vào khai thác sử dụng trong năm 2025)	36.050.000.000
5	Đầu tư xây dựng và mua sắm trong quý 3	7.500.000.000
TỔNG CỘNG		57.627.660.707

Tổng Chi phí đầu tư dự kiến trong năm 2025 của tất cả các công trình là hơn 57 tỷ đồng, tuy nhiên có 2 công trình đầu tư xây dựng từ năm 2024, và đã thực hiện việc tạm ứng, thanh toán theo tiến độ xây dựng cho các nhà thầu. Do đó, chi phí đầu tư thực tế trong năm 2025 là khoảng 36 tỷ đồng.

Đánh giá chung: Năm 2025 dự kiến sẽ có cả thuận lợi và khó khăn đối với hoạt động của Công ty. Lãnh đạo Công ty đã xây dựng phương án sản xuất kinh doanh trên cơ sở điều kiện thực tiễn hoạt động của đơn vị và các yếu tố rủi ro được đánh giá cơ bản, cụ thể, từng lúc sẽ có thống nhất, điều chỉnh phù hợp, đúng thẩm quyền để Công ty hoạt động hiệu quả, tối đa hoá lợi nhuận.

Trên đây là kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty cổ phần cấp nước sinh hoạt Châu Thành, xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông./.

Bến Tre, ngày 04 tháng 04 năm 2025.

GIÁM ĐỐC



[Handwritten signature]
Lê Vũ Phong

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông.

Thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cấp nước sinh hoạt Châu Thành (Điều lệ Công ty); Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, Hội đồng quản trị (HĐQT) báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên về hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2024 như sau:

I. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị hoạt động năm 2024 gồm có 05 thành viên như sau:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Tăng Văn Hưng	Chủ tịch HĐQT	
2	Bà Nguyễn Thị Thanh Nga	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 26/04/2024
3	Ông Phạm Đức Hải	Thành viên HĐQT	
4	Ông Lê Vũ Phong	Thành viên HĐQT- Giám đốc	
5	Bà Hồ Thị Ngọc Tuyền	Thành viên HĐQT	
6	Ông Cù Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 19/03/2024

- Ngày 19/03/2024 miễn nhiệm Ông Cù Anh Tuấn. Ngày 26/04/2024 bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Thanh Nga.

II. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã quản lý hoạt động của Công ty thông qua 22 cuộc họp Hội đồng quản trị và các ý kiến biểu quyết bằng văn bản giữa các phiên họp. Các hồ sơ tổ chức lấy ý kiến biểu quyết này được thực hiện theo đúng thủ tục quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và theo đúng Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị. Hội đồng quản trị đã ban hành 22 Nghị quyết liên quan đến công tác quản lý, điều hành thuộc thẩm quyền của HĐQT. Nội dung chủ yếu của các phiên họp và các hồ sơ lấy ý kiến biểu quyết của Hội đồng Quản trị bao gồm:

- Các nội dung liên quan đến việc phê duyệt định biên nhân sự, quỹ lương và thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm.
- Các nội dung liên quan bầu và miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng.
- Các nội dung liên quan đến việc xây dựng nhà máy nước Tam Phước.

- Các nội dung liên quan đến việc phê duyệt các hạng mục đầu tư mua sắm, đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty.
 - Các nội dung liên quan đến lương, thưởng, phúc lợi cho người lao động.
 - Các nội dung liên quan đến công tác quản lý, điều hành khác.
- Các thành viên HĐQT thường xuyên giám sát việc thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT, giám sát các hoạt động của Ban giám đốc và bộ máy giúp việc thông qua các cuộc họp giao ban, từ đó đưa ra các chỉ đạo kịp thời, đúng hướng.
 - Chủ tịch HĐQT cũng thường xuyên tham gia họp cùng Ban điều hành, các cuộc họp giao ban để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời có những ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại cuộc họp để Ban Giám đốc điều hành sản xuất kinh doanh đạt được hiệu quả theo chủ trương của HĐQT.
 - Hội đồng quản trị đã phân công nhiệm vụ cụ thể trong Ban điều hành nhằm tăng cường sự chủ động và vai trò tham mưu của các cán bộ quản lý. Các thành viên HĐQT đã hoàn thành chức trách của mình, hành động vì lợi ích của cổ đông trong mối quan hệ hài hòa với lợi ích của Công ty và người lao động.
 - Công tác quản lý tài chính trong năm qua luôn được HĐQT chú trọng đúng mức, công tác kiểm toán, kiểm soát chi tiêu tài chính trong hoạt động kinh doanh, trong xây dựng cơ bản thường xuyên được tăng cường, công khai minh bạch tài chính đảm bảo theo quy định của pháp luật.

III. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 :

- Năm 2024 các chỉ tiêu về kinh doanh đã đạt được như sau:

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ đạt % so với Kế hoạch
1	Sản lượng nước tiêu thụ (m ³)	3.908.814	3.830.341	98%
2	Doanh thu	36.319.050.832	35.973.500.766	99%
3	Lợi nhuận trước thuế	5.615.964.869	7.601.198.859	135%
4	Lợi nhuận sau thuế	4.492.771.895	6.035.627.287	134%
5	Thu nhập Bình quân NLĐ	11.400.000	11.422.238	100%
6	Nộp ngân sách	1.123.192.974	1.565.571.572	139%
7	LNST chia cổ tức	3.369.578.921	4.526.720.465	134%



CHAUTHANHWACO

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH

📍 Ấp Thạnh Hựu, xã Tam Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

☎ 0275 3 869 852

🌐 chauthanhwaco.vn

MST: 130 1064 707

8	Tỷ suất lợi nhuận/vốn CSH (ROE)	8,1%	10,7%	132%
9	Vốn điều lệ	43.781.200.000	43.781.200.000	100%

- Năm 2024 hạn mặn diễn ra gay gắt và kéo dài, để ứng phó với hạn mặn Công ty đã thực hiện việc cấp nước ngọt miễn phí cho khách hàng, việc này cũng ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như chỉ tiêu về sản lượng nước tiêu thụ chỉ đạt 98% so với kế hoạch, doanh thu đạt 99% so với kế hoạch. Tuy nhiên, do tiết giảm chi phí và một số công trình trong năm 2024 chưa đầu tư theo kế hoạch nên lợi nhuận sau thuế đạt 134% so với kế hoạch.

- Bộ máy nhân sự ổn định, làm việc có hiệu quả và năng suất lao động tăng hơn các năm trước. Người lao động đã nắm rõ và tuân thủ theo đúng các quy định và quy trình của Công ty. Thu nhập cho người lao động tăng đều hàng năm nhằm tạo thêm động lực và sự gắn bó của người lao động với Công ty.

- Căn cứ mức cổ tức năm 2023 đã được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, Công ty đã thực hiện việc chi trả cổ tức theo đúng quy định.

- Đầu tư xây dựng cơ bản: Tháng 03 năm 2024 dự án nhà máy nước Tam Phước đã chính thức đi vào xây dựng, tính đến 31/12/2024 dự án đã xây dựng được 64% khối lượng của dự án, dự kiến nhà máy hoàn tất xây dựng vào tháng 03/2025. Về phát triển mở rộng mạng lưới ống phân phối và ống nhánh khách hàng năm 2024:

- Lắp đặt đồng hồ nước mới: 453 hộ với giá trị hơn 588 triệu đồng, nâng tổng số khách hàng công ty phục vụ lên 20.987 khách hàng.

- Trong năm, Công ty đã đầu tư tuyến ống có chiều dài 8,7 km, với giá trị 6,1 tỷ đồng đưa vào sử dụng. Sửa chữa nâng cấp nhiều đoạn tuyến ống với giá trị 450 triệu đồng.

- Công bố thông tin: Ngày 30/12/2024 Công ty đã chính thức niêm yết trên sàn Upcom. Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định về việc công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty.

- Thực hiện tốt công tác vận hành, khai thác hệ thống cấp nước và công tác đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước cung cấp đến người tiêu dùng theo nhu cầu sử dụng; Thực hiện cấp nước an toàn, chất lượng nước đạt quy chuẩn của Bộ y tế, áp lực nước trên toàn mạng được duy trì đảm bảo nhu cầu sử dụng của khách hàng và được cung cấp liên tục 24/24 giờ.

- Thực hiện tốt công tác duy tu bảo dưỡng máy móc thiết bị định kỳ và khắc phục các sự cố hư hỏng, duy trì hoạt động cấp nước liên tục, đảm bảo cung cấp nước cho người dân trong sinh hoạt và hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Trong năm 2024, Công ty đã hoàn tất việc đưa dữ liệu tài sản hệ thống cấp nước lên phần mềm quản lý tài sản. Hiện Công ty đang quản lý khoảng hơn 400 km đường ống (bao gồm các cấp ống). Trong thời gian tới Công ty sẽ tiếp tục thu thập dữ liệu đồng hồ lên phần mềm quản lý tài sản, và ứng dụng thêm các phần mềm để quản lý sự cố, quản lý thất thoát nước để nâng cao hiệu quả trong công tác vận hành hệ thống.



- Bên cạnh những thuận lợi đã đạt được thì vẫn còn tồn tại một số khó khăn như: Các nhà máy ứng dụng công nghệ cũ, đã xuống cấp, lượng nước sản xuất đã vượt công suất; Máy móc thiết bị hầu hết tại các trạm đã được sử dụng nhiều năm, hoạt động liên tục hết công suất nay đã xuống cấp nên chi phí bảo dưỡng cải tạo, sửa chữa hàng năm tương đối lớn; Hệ thống đường ống còn sử dụng nhiều loại vật liệu, nhiều đoạn ống đã cũ và thường xuyên gây bể ống, dẫn đến chi phí trong việc vận hành tăng cao.

IV. Định hướng hoạt động của HDQT năm 2025

- Thực hiện các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh như sau:

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025
1	Sản lượng nước tiêu thụ (m ³)	4.021.858
2	Doanh thu	37.344.970.376
3	Lợi nhuận trước thuế	2.738.174.648
4	Lợi nhuận sau thuế	2.190.539.718

- Ngoài các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh, trong năm 2025 Hội đồng quản trị sẽ sát cánh cùng Ban điều hành Công ty thực hiện một số công việc chính như sau:

+ Hoàn tất xây dựng nhà máy nước Tam Phước và hệ thống đường ống liên quan trong vào quý I năm 2025, và thực hiện các thủ tục theo quy định trước khi nghiệm thu và đưa vào sử dụng.

+ Đẩy mạnh việc đầu tư thi công các tuyến ống truyền dẫn nước từ nhà máy Tam Phước đến các khu vực nước còn yếu và kết nối đường ống đến nhà máy nước An Hóa nhằm cung cấp nước ngọt cho các khu vực do nhà máy An Hóa cấp khi mùa mặn đến.

+ Đảm bảo công tác sản xuất tại các nhà máy luôn được vận hành ổn định và thật sự an toàn, hiệu quả.

+ Bảo toàn và phát triển nguồn vốn chủ sở hữu, sử dụng hiệu quả nguồn vốn.

+ Tăng cường công tác quản trị Tài chính, thực hiện các báo cáo định kỳ với các thông tin minh bạch, chính xác.

+ Tiết kiệm trong chi tiêu và quản lý chặt chi phí SXKD.

+ Phối hợp với chính quyền địa phương xã, vận động, tuyên truyền người dân sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh... giúp giảm thiểu số hộ dân vẫn còn dùng các nguồn nước chưa đảm bảo như nước mưa, nước sông, nước giếng...

- Hoàn tất việc đưa dữ liệu đồng hồ lên phần mềm quản lý tài sản, tiếp tục triển khai ứng dụng quản lý sự cố để kiểm soát việc sửa chữa các sự cố trên hệ thống.

- Phối hợp với các sở ban ngành, địa phương thực hiện theo chủ trương của UBND Tỉnh về việc cấp nước ngọt trong mùa mặn.
- Bảo dưỡng định kỳ theo kế hoạch đối với các máy bơm, thiết bị điện tử, các công trình xử lý nước tại tất cả các nhà máy tại Công ty.
- Tăng cường các công tác chống thất thu, thất thoát nước như: phân vùng tách mạng để xác định những khu vực thất thoát cao để có kế hoạch thay mới các đường ống cũ mục, ống tráng kẽm. Tăng cường thay thế các đồng hồ cũ chạy không còn chính xác. Rà soát các trường hợp không phát sinh hóa đơn, rà soát các trường hợp sử dụng và đấu nối nước trái phép.
- Thay thế các máy bơm và các thiết bị điện trong các nhà máy nước có công suất tiêu thụ điện và hao hụt điện lớn bằng máy bơm hiệu suất tốt, ít hao tổn điện năng, giảm chi phí vận hành.
- Tiếp tục hoàn thiện và ban hành các quy chế, quy định, quy trình... trong các đơn vị phòng ban. Nâng cao ý thức kỷ luật, kỷ cương lao động, thực hiện tốt các quy định, quy chế của Công ty. Tăng cường công tác quản lý và đào tạo để xây dựng đội ngũ CBNV có chất lượng cao.
- Đảm bảo lương, thu nhập cho người lao động công bằng, đúng chế độ. Duy trì ổn định việc làm, tiền lương và thu nhập cho người lao động, tăng lương một số bộ phận có tính chất công việc nặng nhọc để khuyến khích người lao động gắn bó với Công ty.

Năm 2024, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục nỗ lực để giữ vững ổn định và phát triển, thực hiện tốt các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông thường niên giao. Đồng thời, Hội đồng quản trị cũng mong muốn tiếp tục nhận được sự tin tưởng, gắn bó và đồng thuận của quý cổ đông trong các hoạt động của Công ty.

Trân trọng ./.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



TẶNG VĂN HÙNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cung cấp nước sinh hoạt Châu Thành (gọi tắt là Công ty);

Căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên của Công ty và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 đã được kiểm toán độc lập,

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát (BKS) theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty, BKS báo cáo kết quả hoạt động năm 2024 và phương hướng hoạt động năm 2025 của BKS Công ty đến Quý cổ đông như sau:

I. Tổ chức bộ máy Ban Kiểm soát:

Năm 2024, BKS Công ty cổ phần Cung cấp nước sinh hoạt Châu Thành gồm có:

- | | |
|---------------------------|--------------|
| 1. Bà Trương Ngọc Tú | - Trưởng ban |
| 2. Bà Mai Nguyễn Ngọc Anh | - Thành viên |
| 3. Bà Nguyễn Chi Thảo | - Thành viên |

Tất cả thành viên của BKS đều là kiểm soát viên không chuyên trách.

II. Hoạt động của BKS năm 2024

Trong năm 2024, BKS đã thực hiện đầy đủ chức trách nhiệm vụ được giao, thực hiện giám sát định kỳ theo kế hoạch hoạt động đã được thông qua tại Đại hội cổ đông năm 2024. Một số nhiệm vụ trọng tâm đã thực hiện:

- Thực hiện việc thẩm định, giám sát báo cáo tài chính năm 2023; Kiểm tra, đánh giá tình hình kinh doanh, tài chính, xây dựng các chỉ tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024, xây dựng thù lao tiền lương, tiền thưởng năm 2024.

- Kiểm tra, giám sát tiến độ xây dựng nhà máy nước Tam Phước.

- Kết quả hoạt động công ty theo định kỳ.

- Kiểm tra việc tuân thủ một số Quy trình, Quy chế, Quy định nội bộ trong Công ty.

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị, giám sát việc tuân thủ điều lệ Công ty.

- Thực hiện giám sát việc tuân thủ các quy định hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc giám sát việc quản lý điều hành hoạt động kinh doanh dịch vụ theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty.

- Tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty năm 2024.

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước, chế độ chính sách đối với người lao động; Kiểm tra tình hình trích lập, sử dụng các quỹ và nội dung khác theo chức năng nhiệm vụ của BKS.

- Kiến nghị rà soát, xây dựng lại các quy chế của Công ty theo Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sau sửa đổi, bổ sung.

Nhìn chung, trong nhiệm kỳ vừa qua, BKS luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý trong Công ty để BKS hoàn thành nhiệm vụ được giao. Trong năm 2024, BKS không nhận được bất cứ yêu cầu nào của cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 5% cổ phần trở lên yêu cầu xem xét về hoạt động của Công ty, về việc điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

III. Kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024

1. Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

- Các Nghị quyết được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông năm 2024 đã được thực hiện, triển khai đầy đủ và phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ công ty: việc triển khai đầu tư xây dựng dự án nhà máy nước Tam Phước; việc thực hiện Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị, BKS công ty; phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức hàng năm, chi trả thù lao cho nhân sự quản lý công ty, chế độ tiền lương, thưởng, phúc lợi,...

- Nhìn chung trong năm vừa qua, Hội đồng quản trị đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu của Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hàng năm được thông qua. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty cụ thể:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	So sánh TH/KH (%)
1	Sản lượng nước sản xuất (m ³)	5.282.180	5.319.918	101%
2	Tỷ lệ thất thoát	26%	28%	108%

**CHAUTHANHWACO****CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH**

📍 Ấp Thạnh Hựu, xã Tam Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

☎ 0275 3 869 852 🌐 chauthanhwaco.vn MST: 130 1064 707

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	So sánh TH/KH (%)
3	Sản lượng nước tiêu thụ (m ³)	3.908.814	3.830.341	98%
4	Doanh thu tiền nước, cung cấp dịch vụ, hoạt động tài chính và thu nhập khác.	36.319.050.832	35.973.500.766	99%
4.1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	36.134.050.132	35.530.798.917	97,6%
4.2	Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác.	185.000.0000	442.701.849	239%
5	Tổng chi phí	30.703.085.964	28.372.301.907	92%
7	Lợi nhuận trước thuế	5.615.964.869	7.601.198.859	135%
8	Nộp thuế TNDN 20%	1.123.192.974	1.565.571.572	139%
9	Lợi nhuận sau thuế	4.492.771.895	6.035.627.287	134%

Đánh giá chung:

Nhìn chung Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc cùng tập thể người lao động công ty đã phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu theo Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2024. Tuy nhiên một số nội dung vẫn chưa đảm bảo so với chỉ tiêu Nghị quyết, cụ thể:

- Chỉ tiêu như tỷ lệ thất thoát nước năm 2024 ở mức 28%, cao hơn 2% so với chỉ tiêu kế hoạch được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2024, chưa giảm theo lộ trình của Chính phủ; Sản lượng nước tiêu thụ đạt 3.830.341 m³ (đạt 99% kế hoạch năm 2024), doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 35.530 triệu đồng (đạt 97,6% kế hoạch năm 2024): Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc hạn mặn mùa khô 2023-2024 kéo dài dẫn đến nhu cầu tiêu thụ nước giảm, hạ tầng đường ống xuống cấp, ảnh hưởng từ sự cố bể tuyến ống 250 do sạt lở bờ kè An Hóa.

- Trước thực tế doanh thu của Công ty giảm so với kế hoạch năm 2024, Lãnh đạo Công ty và tập thể người lao động đã tối ưu hóa các chi phí, tổng chi phí kinh

doanh năm 2024 của Công ty là 28.372 triệu đồng, tiết kiệm 2.331 triệu đồng (giảm 8% so với kế hoạch năm 2024). Lợi nhuận sau thuế đạt 6.035 triệu đồng, tăng 1.543 triệu đồng (tương đương 34% so với kế hoạch năm 2024).

2. Tình hình tài chính của Công ty:

- Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn.
- Bảng cân đối kế toán năm 2024 đã được kiểm toán độc lập cụ thể như sau:

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2023	Năm 2024
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100	28.069.154.257	23.747.802.028
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	13.148.532.988	10.947.247.299
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	13.001.146.269	10.356.179.788
IV	Hàng tồn kho	140	1.551.524.355	1.473.089.241
V	Tài sản ngắn hạn khác	150	367.950.645	971.285.700
B	TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+250+260)	200	32.755.098.144	39.749.584.221
I	Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-
II	Tài sản cố định	220	28.925.265.602	23.429.788.832
	- Tài sản cố định hữu hình	221	28.845.724.128	23.376.954.870
	· Nguyên giá	222	84.910.078.501	85.765.591.225
	· Giá trị hao mòn lũy kế	223	(56.064.354.373)	(62.388.636.355)
	- Tài sản cố định vô hình	227	79.541.474	52.833.962
	· Nguyên giá	222	125.830.000	125.830.000
	· Giá trị hao mòn lũy kế	223	(46.288.526)	(72.996.038)
III	Bất động sản đầu tư	230	-	-
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240	1.703.038.488	11.730.181.097
V	Đầu tư tài chính dài hạn	250	-	-
VI	Tài sản dài hạn khác	260	2.126.794.054	4.589.614.292
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270	60.824.252.401	63.497.386.249
C	NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300	6.134.668.041	5.686.173.618
I	Nợ ngắn hạn	310	6.134.668.041	5.686.173.618

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2023	Năm 2024
II	Nợ dài hạn	330	-	-
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400	54.689.584.360	57.811.212.631
I	Vốn chủ sở hữu	410	54.689.584.360	57.811.212.631
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	43.781.200.000	43.781.200.000
	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	43.781.200.000	43.781.200.000
2	Cổ phiếu quỹ (cổ tức)	415	-	-
3	Quỹ đầu tư phát triển	418	1.698.303.621	2.782.712.145
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	9.213.080.739	11.247.300.486
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN 440 =(300+400)	440	60.824.252.401	63.497.386.249

3. Bảo toàn và phát triển nguồn vốn:

Nội dung	Năm 2023 (triệu đồng)	Năm 2024 (triệu đồng)	Tăng trưởng (%)
Vốn chủ sở hữu	54.689	57.811	6 %
Vốn điều lệ	43.781	43.781	0 %

4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024:

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
1	Doanh thu	đồng	35.289.838.077	35.973.491.766
	<i>Trong đó Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	đồng	34.339.136.399	35.530.798.917
2	Tổng chi phí	đồng	26.173.096.214	28.372.301.907
3	Lợi nhuận sau thuế	đồng	7.249.390.162	6.035.627.287
4	Quỹ khen thưởng phúc lợi		724.939.016	603.562.729
5	Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm		4.378.120	4.378.120
6	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu (ROS)	%	21,11%	17%
7	Lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản (ROA)	%	11,9%	10%
8	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	13,3%	10%

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
9	Lãi cơ bản trên cổ phiếu ((Lợi nhuận sau thuế-Quỹ khen thưởng, phúc lợi)/số cp)	đồng	1.490	1.241

Nhận xét, đánh giá:

- Công ty tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và hoạt động của Công ty và những quy định khác của Pháp luật; kết quả doanh thu dịch vụ và số liệu kế toán được ghi chép đầy đủ và kịp thời.

- Nhìn vào báo cáo kết quả kinh doanh, và các chỉ số công ty có thể thấy được rõ ràng doanh thu năm 2024 có tăng, nhưng chi phí cao hơn năm 2023 (trong năm công ty có thực hiện sửa chữa đường ống đã xuống cấp, đầu tư xây dựng dự án mới giúp nâng cao năng lực cung cấp nước sạch cũng như đảm bảo chất lượng phục vụ) nên lợi nhuận sau thuế thấp hơn làm các chỉ số ROS, ROA, ROE thấp hơn so với 2023

- Công ty đã bảo toàn được vốn và có đầu tư phát triển

IV. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC NĂM 2024:

Qua kiểm tra, giám sát BKS đánh giá Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng theo Quy chế nội bộ, phù hợp với luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty.

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị đã chủ trì tổ chức thành công Đại hội cổ đông năm 2024, bầu các chức danh quản lý công ty theo quy định.

- Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã quản lý hoạt động của Công ty thông qua 22 cuộc họp Hội đồng quản trị và các ý kiến biểu quyết bằng văn bản giữa các phiên họp. Hội đồng quản trị đã ban hành 22 Nghị quyết liên quan đến công tác quản lý, điều hành thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Nội dung chủ yếu của các phiên họp và các hồ sơ lấy ý kiến biểu quyết của Hội đồng quản trị: Các nội dung liên quan đến việc phê duyệt định biên nhân sự, quỹ lương và thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm; các hạng mục đầu tư mua sắm, đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty; điều chỉnh cơ cấu chi phí; thiết kế bản vẽ thi công công trình nhà máy nước Tam Phước....

- Hội đồng quản trị trực tiếp chỉ đạo thường xuyên Ban Giám đốc Công ty trên các mặt hoạt động kinh doanh, đưa ra chủ trương, quyết sách kịp thời phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Công ty.

2. Hoạt động của Ban Giám đốc:

- Ban Giám đốc đã có sự phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Từng thành viên trong Ban Giám đốc đã thực hiện đúng theo nhiệm vụ được phân công.

- Ban Giám đốc chủ động triển khai kế hoạch kinh doanh, mở rộng mạng lưới cấp nước, triển khai thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước, với cổ đông và chăm lo đời sống của người lao động.

- Ban Giám đốc đã thực hiện tái cấu trúc các phòng ban tại Công ty và các trạm, đã thực hiện nhiều biện pháp để tiết kiệm chi phí.

3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS và Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc:

Trong năm 2024, BKS đã được cung cấp đầy đủ, kịp thời các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Giám đốc theo đúng diễn biến hoạt động của Công ty. BKS đã duy trì được mối quan hệ công tác, sự phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và cán bộ nhân viên trong Công ty, được tạo điều kiện thuận lợi thực hiện tốt công tác kiểm tra, kiểm soát.

V. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CỦA BKS NĂM 2025:

1. Thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ của BKS quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.

2. Triển khai công tác kiểm tra, giám sát định kỳ theo quy định, trong đó gồm các nhiệm vụ trọng tâm như:

- Kiểm tra, giám sát Hội đồng quản trị tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

- Tính tuân thủ của Công ty trong việc thực hiện, chấp hành nghĩa vụ đối đối với Nhà nước và Điều lệ Tổ chức hoạt động của Công ty.

- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo: báo cáo tài chính 06 tháng, thường niên, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

- Xem xét sổ sách, chứng từ, tài liệu, ghi chép về công tác kế toán.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp và trung thực trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

- Xem xét báo cáo của Công ty Kiểm toán độc lập và làm việc với các bên có liên quan.

- Kiểm tra, giám sát việc trích lập và sử dụng các quỹ; chi trả cổ tức cho Quý cổ đông.

- Thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động;

- Tiến độ đầu tư xây dựng các công trình, mua sắm, quản lý và sử dụng tài sản, các khó khăn, vướng mắc (nếu có).

3. BKS tiếp tục duy trì phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các Phòng ban trong Công ty để công tác kiểm tra, kiểm soát được hiệu quả hơn.

Trên đây là báo cáo hoạt động của BKS trong năm 2024, và phương hướng hoạt động năm 2025, BKS kính gửi đến Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Quý Cổ đông./.

Nơi nhận:

- HĐQT Công ty;
- UBND tỉnh Bến Tre;
- Các Sở Tài chính; Nội vụ; Xây dựng;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Ban Kiểm soát Công ty;
- Quý cổ đông Công ty;
- Lưu VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Trương Ngọc Tú

TỜ TRÌNH

Về việc Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ Điều 25 Điều lệ Công ty cổ phần cấp nước sinh hoạt Châu Thành quy định quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm của Công ty.

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần cấp nước sinh hoạt Châu Thành kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt.

Một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2024 như sau:

ĐVT: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
1	Tổng tài sản	63.497.386.249
1.1	Tài sản ngắn hạn	23.747.802.028
1.2	Tài sản dài hạn	39.749.584.221
2	Tổng nguồn vốn	63.497.386.249
2.1	Nợ phải trả	5.686.173.618
2.2	Vốn chủ sở hữu	57.811.212.631
3	Tổng doanh thu và thu nhập khác	35.973.500.766
4	Lợi nhuận trước thuế	7.601.198.859
5	Lợi nhuận sau thuế	6.035.627.287

(Đính kèm toàn văn Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Bến Tre, ngày 04 tháng 04 năm 2025.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



TẶNG VĂN HƯNG

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty thành viên của JPA International
Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM
Tel : +84 (28) 3859 4168 Fax : +84 (28) 3859 2285
Email : contact@vietvalues.com Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	02 – 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 – 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	07 – 08
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11 – 28
7. Phụ lục 01 – Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	29



CÔNG TY CP CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH

Số 539B, Ấp Thạnh Hựu, Xã Tam Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Báo cáo của Ban Giám đốc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty CP Cấp nước Sinh hoạt Châu Thành (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty.

1. Khái quát về Công ty

Công ty CP Cấp nước Sinh hoạt Châu Thành (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1301064707 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 28/11/2018. Trong quá trình hoạt động, Công ty đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 06/11/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp.

Vốn điều lệ : 43.781.200.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2024 : 43.781.200.000 đồng.

2. Trụ sở hoạt động

Trụ sở chính hoạt động

Địa chỉ : Số 539B, Ấp Thạnh Hựu, Xã Tam Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Điện thoại : 0275.3869852

Mã số thuế : 1301064707

3. Ngành nghề hoạt động

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

Chi tiết: quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất (mã ngành 3600);

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.

Chi tiết: lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; lắp đặt hệ thống đường ống cấp, thoát nước trong nhà và công trình xây dựng công trình khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) (mã ngành 4322);

- Bán buôn đồ uống.

Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn; Bán buôn đồ uống không có cồn (mã ngành 4633);

- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.

Chi tiết: Bán lẻ đồ uống không chứa cồn: các loại đồ uống nhẹ, có chất ngọt, có hoặc không có ga, bán lẻ nước khoáng thiên nhiên hoặc nước tinh khiết đóng chai khác. (mã ngành 4723);

- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.

Chi tiết: Bao gồm việc sản xuất và đóng chai nước khoáng, nước tinh khiết hoặc sản phẩm tương tự. (mã ngành 1104).

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH

Số 539B, Ấp Thạnh Hựu, Xã Tam Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

4. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**4.1 Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Tăng Văn Hưng	Chủ tịch	10/06/2023	-
Ông Phạm Đức Hải	Thành viên	10/06/2023	-
Ông Cù Anh Tuấn	Thành viên	10/06/2023	19/03/2024
Ông Lê Vũ Phong	Thành viên	10/06/2023	-
Bà Hồ Thị Ngọc Tuyền	Thành viên	10/06/2023	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Nga	Thành viên	26/04/2024	-

4.2 Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trương Ngọc Tú	Trưởng ban	10/06/2023	-
Bà Nguyễn Chi Thảo	Thành viên	10/06/2023	-
Bà Mai Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên	10/06/2023	-

4.3 Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Vũ Phong	Giám đốc	01/01/2022	-
Bà Ngô Thị Cẩm Lý	Phó Giám đốc	-	-
Bà Đoàn Thị Ngọc Lan	Kế toán trưởng	-	-

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này Ông Tăng Văn Hưng – Chủ tịch hội đồng quản trị.

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 29.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viênCông ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.106
NG
PH
SH
TH
VH



Số: 2131/25/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Sinh hoạt Châu Thành (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 17 tháng 3 năm 2025 (từ trang 07 đến trang 29), bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Sinh hoạt Châu Thành tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2025.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - VIETVALUES



Trần Văn Hiệp – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN số 2141-2023-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Nguyễn Thị Tuyết Vân – Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN số 2839-2025-071-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu **VIETVALUES**

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH

Địa chỉ: Số 539B, Ấp Thạnh Hựu, Xã Tam Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		23.747.802.028	28.069.154.257
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	10.947.247.299	13.148.532.988
111	1. Tiền		1.947.247.299	1.148.532.988
112	2. Các khoản tương đương tiền		9.000.000.000	12.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		10.356.179.788	13.001.146.269
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	2.757.285.852	3.135.807.769
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	7.633.800.092	9.894.087.802
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	12.076.712	16.109.589
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.5	(46.982.868)	(44.858.891)
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	1.473.089.241	1.551.524.355
141	1. Hàng tồn kho		1.473.089.241	1.551.524.355
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		971.285.700	367.950.645
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7a	281.967.746	308.556.799
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		689.317.954	59.393.846
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		39.749.584.221	32.755.098.144
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		23.429.788.832	28.925.265.602
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	23.376.954.870	28.845.724.128
222	- Nguyên giá		85.765.591.225	84.910.078.501
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(62.388.636.355)	(56.064.354.373)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.9	52.833.962	79.541.474
228	- Nguyên giá		125.830.000	125.830.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(72.996.038)	(46.288.526)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		11.730.181.097	1.703.038.488
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.10	11.730.181.097	1.703.038.488
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.589.614.292	2.126.794.054
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.7b	4.589.614.292	2.126.794.054
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		63.497.386.249	60.824.252.401

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH

Địa chỉ: Số 539B, Ấp Thanh Hựu, Xã Tam Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		5.686.173.618	6.134.668.041
310	I. Nợ ngắn hạn		5.686.173.618	6.134.668.041
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.11	1.563.446.554	2.192.072.005
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12	960.729.670	1.338.232.491
314	4. Phải trả người lao động		893.606.120	877.729.046
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		301.496.402	340.854.745
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.13	332.312.780	276.136.678
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.14	1.634.582.092	1.109.643.076
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.15	57.811.212.631	54.689.584.360
410	I. Vốn chủ sở hữu		57.811.212.631	54.689.584.360
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		43.781.200.000	43.781.200.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
415	3. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		2.782.712.145	1.695.303.621
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		11.247.300.486	9.213.080.739
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		5.211.673.199	1.963.690.577
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		6.035.627.287	7.249.390.162
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		63.497.386.249	60.824.252.401

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bến Tre, ngày 17 tháng 3 năm 2025

Giám đốc

ĐOÀN THỊ NGỌC LAN

ĐOÀN THỊ NGỌC LAN

LÊ VŨ PHONG

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH

Địa chỉ: Số 539B, Ấp Thạnh Hựu, Xã Tam Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Kết quả hoạt động kinh doanh

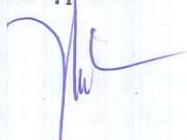
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	35.530.798.917	34.339.136.339
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		35.530.798.917	34.339.136.339
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	20.148.860.974	17.950.503.811
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		15.381.937.943	16.388.632.528
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	440.516.600	927.248.725
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	VI.4	3.697.561.293	3.852.315.745
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	4.524.416.827	4.366.304.286
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.600.476.423	9.097.261.222
31	11. Thu nhập khác	VI.6	2.185.249	23.453.013
32	12. Chi phí khác	VI.7	1.462.813	3.972.372
40	13. Lợi nhuận khác		722.436	19.480.641
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.601.198.859	9.116.741.863
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.12	1.565.571.572	1.867.351.701
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		6.035.627.287	7.249.390.162
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.8	1.241	1.490
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.8	1.241	1.490

Người lập biểu



ĐOÀN THỊ NGỌC LAN

Kế toán trưởng



ĐOÀN THỊ NGỌC LAN

Bến Tre, ngày 17 tháng 3 năm 2025

Giám đốc



LÊ VŨ PHONG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		37.985.069.250	35.657.147.699
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(25.765.978.676)	(26.033.923.781)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(7.997.223.980)	(7.737.606.848)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		-	-
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.12	(1.967.351.701)	(1.070.411.290)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		943.192.578	1.523.157.036
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.503.171.543)	(2.828.107.444)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(305.464.072)	(489.744.628)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(64.563.980)	(241.201.402)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	15.977.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	VII.1	(19.000.000.000)	(7.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	VII.2	19.000.000.000	20.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		305.579.613	438.791.193
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		241.015.633	13.213.566.791
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả gốc nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.15d	(2.136.837.250)	(2.136.837.250)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(2.136.837.250)	(2.136.837.250)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		(2.201.285.689)	10.586.984.913
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		13.148.532.988	2.561.548.075
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	V.1	10.947.247.299	13.148.532.988

Người lập biểu

ĐOÀN THỊ NGỌC LAN

Kế toán trưởng

ĐOÀN THỊ NGỌC LAN

Bến Tre, ngày 17 tháng 3 năm 2025

Giám đốc



LÊ VŨ PHONG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty Cổ phần Cấp nước Sinh hoạt Châu Thành (sau đây gọi là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Cấp nước Sinh hoạt Châu Thành (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp cổ phần. Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1301064707 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 28 tháng 11 năm 2018 và thay đổi lần thứ 5 ngày 06 tháng 11 năm 2024.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp nước sạch.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.
- Bán buôn đồ uống.
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty: 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có các yếu tố ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong năm.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 68 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 61 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Sinh hoạt Châu Thành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH

Địa chỉ: Số 539B, Ấp Thạnh Hựu, Xã Tam Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp);
- Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng nội dung dịch vụ chưa hoàn thành hoặc chưa được khách hàng nghiệm thu thanh toán.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

- Các chi phí thay đồng hồ nước, gắn mới đồng hồ nước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ trong 5 năm theo Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/09/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Chi phí sửa chữa hệ thống cấp nước phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.
- Chi phí mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động được phân bổ vào chi phí trong kỳ.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH

Địa chỉ: Số 539B, Ấp Thạnh Hựu, Xã Tam Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30
Máy móc và thiết bị	06 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm các phần mềm máy tính.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính từ 03-08 năm.

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH

Địa chỉ: Số 539B, Ấp Thạnh Hựu, Xã Tam Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu là số vốn thực góp của chủ sở hữu.

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ (quản lý dịch vụ cung cấp nước sạch, gắn đồng hồ nước, thay đồng hồ nước...)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

13. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của công ty.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

Các khoản thuế Công ty tính và nộp ngân sách gồm:

Thuế giá trị gia tăng

Thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	41.624.453	19.528.235
Tiền gửi ngân hàng	1.905.622.846	1.129.004.753
Các khoản tương đương tiền (*)	9.000.000.000	12.000.000.000
Cộng	10.947.247.299	13.148.532.988

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại các ngân hàng thương mại.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của các bên liên quan	-	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	2.757.285.852	3.135.807.769
Khách hàng lẻ	2.757.285.852	3.135.807.769
Cộng	2.757.285.852	3.135.807.769

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH

Địa chỉ: Số 539B, Ấp Thạnh Hữu, Xã Tam Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	7.633.800.092	9.894.087.802
- Công Ty TNHH TV XD TMDV Đức Anh ^(*)	5.714.384.607	9.818.781.574
- Công Ty CP Tư Vấn - Dịch Vụ - Xây Dựng Đặng Phát	1.552.941.071	-
- Các đối tượng khác	366.474.414	75.306.228
Cộng	7.633.800.092	9.894.087.802

^(*)Là khoản tiền trả trước cho hợp đồng thi công Nhà máy nước Tam Phước số 154/2023/HĐXD ngày 30 tháng 10 năm 2023.

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	12.076.712	16.109.589
- Tạm ứng	-	-
- Khác	12.076.712	16.109.589
Cộng	12.076.712	16.109.589

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi*Chi tiết dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:*

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Khách lẻ	46.982.868	44.858.891
Cộng	46.982.868	44.858.891

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	44.858.891	51.813.132
Tăng trong năm	2.123.977	-
Hoàn nhập trong năm	-	(6.954.241)
Số cuối năm	46.982.868	44.858.891

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng tồn kho	1.473.089.241	-	1.551.524.355	-
- Nguyên liệu, vật liệu ^(*)	1.422.573.015	-	1.501.750.229	-
- Công cụ, dụng cụ	50.516.226	-	49.774.126	-
- Hàng hóa	-	-	-	-
Cộng	1.473.089.241	-	1.551.524.355	-

^(*)Chủ yếu là các vật tư sửa chữa ngành nước

7. Chi phí trả trước

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí sửa chữa	-	-
- Hóa chất	142.846.800	211.887.500
- Công cụ dụng cụ	139.120.946	96.669.299
Cộng	281.967.746	308.556.799

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	308.556.799	2.204.781.343
Tăng trong năm	1.444.258.911	1.416.980.767
Phân bổ trong năm	(1.470.847.964)	(3.313.205.311)
Số cuối năm	281.967.746	308.556.799

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí sửa chữa	1.989.871.492	1.800.629.587
- Chi phí thay đồng hồ nước	1.903.515.129	-
- Khác	696.227.671	326.164.467
Cộng	4.589.614.292	2.126.794.054

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.126.794.054	-
Tăng trong năm	4.277.045.777	3.308.558.284
Phân bổ trong năm	(1.814.225.539)	(1.181.764.230)
Số cuối năm	4.589.614.292	2.126.794.054

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH

Địa chỉ: Số 539B, Ấp Thạnh Hựu, Xã Tam Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

8. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
1. Nguyên giá				
Số đầu năm	15.177.534.021	4.182.217.976	65.550.326.504	84.910.078.501
Tăng trong năm	107.709.840	205.402.000	542.400.884	855.512.724
Mua trong năm	107.709.840	205.402.000	180.714.131	493.825.971
Kết chuyển từ XDCB hoàn thành	-	-	361.686.753	361.686.753
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	15.285.243.861	4.387.619.976	66.092.727.388	85.765.591.225
Trong đó nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	14.240.596.623	1.470.729.030	22.313.770.022	38.025.095.675
2. Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	14.714.564.057	2.486.792.782	38.862.997.534	56.064.354.373
Tăng trong năm	385.399.312	588.308.530	5.350.574.140	6.324.281.982
Khấu hao trong năm	385.399.312	588.308.530	5.350.574.140	6.324.281.982
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	15.099.963.369	3.075.101.312	44.213.571.674	62.388.636.355
3. Giá trị còn lại				
Số đầu năm	462.969.964	1.695.425.194	26.687.328.970	28.845.724.128
Số cuối năm	185.280.492	1.312.518.664	21.879.155.714	23.376.954.870

9. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
1. Nguyên giá		
Số đầu năm	125.830.000	125.830.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	125.830.000	125.830.000
Trong đó nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế		
Số đầu năm	46.288.526	46.288.526
Tăng trong năm	26.707.512	26.707.512
- Khấu hao trong năm	26.707.512	26.707.512
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	72.996.038	72.996.038
3. Giá trị còn lại		
Số đầu năm	79.541.474	79.541.474
Số cuối năm	52.833.962	52.833.962

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH

Địa chỉ: Số 539B, Ấp Thạnh Hữu, Xã Tam Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ/PBCP trong năm	Số cuối năm
Kết chuyển vào chi phí sửa chữa	-	1.524.203.364	(1.524.203.047)	-
Kết chuyển vào chi phí trả trước	222.160.015	450.998.064	(227.554.115)	445.603.964
- CT di dời đai khởi thủy và đầu nối đường ống cấp nước các tuyến đường huyện Châu Thành thuộc dự án NMN Tam Phước	-	59.230.717	(1.214.290)	58.016.427
- CT di dời đai khởi thủy và đầu nối đường ống cấp nước trên QL 60 mới thuộc dự án NMN Tam Phước	-	90.702.586	(1.032.060)	89.670.526
- CT di dời đai khởi thủy và đầu nối đường ống cấp nước các tuyến ống mới liên xã Phước Thạnh, Hữu Định thuộc huyện Châu Thành	-	123.355.269	(3.147.750)	120.207.519
- CT di dời và cải tạo đường ống cấp nước trong phạm vi bảo vệ kết cấu mặt bằng đường Võ Tấn Nhứt (đường số 11) - GD 1	-	91.710.642	-	91.710.642
- CT di dời, cải tạo đường ống cấp nước HDPE D125 đường ĐX.04, xã An Phước	-	19.509.820	-	19.509.820
- CT lắp đặt mới đường ống cấp nước và đầu nối các tuyến tẽ của đường Tân kế, Thị Trấn Châu Thành	-	66.489.030	-	66.489.030
- Các công trình khác	222.160.015	-	(222.160.015)	-
Xây dựng cơ bản dở dang				
Kết chuyển vào TSCĐ	1.480.878.473	10.165.385.413	(361.686.753)	11.284.577.133
- Nhà máy nước Tam Phước	1.480.878.473	9.374.829.215	-	10.855.707.688
- Công trình: Đầu tư xây dựng mới đường ống cấp nước liên xã Phước Thạnh, Hữu Định thuộc huyện Châu Thành	-	428.869.445	-	428.869.445
- Đầu tư xây dựng mới đường ống HDPE D200 khoan ngầm qua rạch Cái Trắng của cầu Sông Nhỏ	-	361.686.753	(361.686.753)	-
Cộng	1.703.038.488	12.140.586.841	(2.113.444.232)	11.730.181.097

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan	-	-
Phải trả ngắn hạn cho các nhà cung cấp khác	1.563.446.554	2.192.072.005
- Công Ty CP Khoan và Xây lắp Cấp Thoát Nước	1.038.284.583	-
- Công Ty CP HAWACO Miền Nam	324.858.150	485.237.080
- Công Ty CP Tư vấn Xây dựng Vạn Phú Thành	80.800.763	575.641.328
- Công Ty TNHH MTV Kỹ Thuật Liên Anh	60.977.337	25.713.590
- Các nhà cung cấp khác	58.525.721	1.105.480.007
Cộng	1.563.446.554	2.192.072.005

Số dư nợ phải trả người bán quá hạn đến thời điểm 31/12/2024 là 0 đồng.

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.267.351.701	-	1.565.571.572	(1.967.351.701)	865.571.572	-
- Thuế thu nhập cá nhân	47.287.095	-	190.671.666	(180.320.089)	57.638.672	-
- Thuế tài nguyên	-	-	158.040.840	(144.673.680)	13.367.160	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	20.456.100	(20.456.100)	-	-
- Thuế bảo vệ môi trường	23.593.695	-	269.539.002	(268.980.431)	24.152.266	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	42.509.500	(42.509.500)	-	-
Cộng	1.338.232.491	-	2.246.788.680	(2.624.291.501)	960.729.670	

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.601.198.859	9.116.741.863
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	226.659.000	220.016.640
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	226.659.000	220.016.640
Thu nhập chịu thuế	7.827.857.859	9.336.758.503
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	1.565.571.572	1.867.351.701
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.565.571.572	1.867.351.701

13. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các đối tượng khác	332.312.780	276.136.678
- Kinh phí công đoàn	8.751.200	8.640.860
- Các khoản phải trả khác	323.561.580	267.495.818
Cộng	332.312.780	276.136.678

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH

Địa chỉ: Số 539B, Ấp Thạnh Hựu, Xã Tam Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Kết chuyển từ quỹ thưởng điều hành sang quỹ khen thưởng	Số cuối năm
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	909.634.076	524.939.016	-	200.000.000	1.634.582.092
- Quỹ thưởng ban điều hành	200.000.000	200.000.000	(200.000.000)	(200.000.000)	-
Cộng	1.109.643.076	724.939.016	(200.000.000)	-	1.634.582.092

15. Vốn chủ sở hữu**15a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**Chi tiết xem *Phụ lục 01* đính kèm.**15b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm
Nhà nước (UBND tỉnh Bến Tre. Đại diện vốn nhà nước: ông Lê Vũ Phong)	33,76%	14.780.850.000	33,76%	14.780.850.000
Cù Anh Tuấn	26,74%	11.706.120.000	26,74%	11.706.120.000
CTCP DIC Môi trường. Đại diện vốn: ông Tăng Văn Hưng	18,53%	8.111.250.000	18,53%	8.111.250.000
Phạm Đức Hải	8,54%	3.738.720.000	8,54%	3.738.720.000
Nguyễn Thị Hương	2,67%	1.169.950.000	2,67%	1.169.950.000
Trương Lan Anh	2,67%	1.169.930.000	2,67%	1.169.930.000
Các cổ đông khác	7,09%	3.104.380.000	7,09%	3.104.380.000
Cộng	100%	43.781.200.000	100%	43.781.200.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	43.781.200.000	43.781.200.000	-
Cộng	43.781.200.000	43.781.200.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH

Địa chỉ: Số 539B, Ấp Thạnh Hựu, Xã Tam Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

15c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.378.120	4.378.120
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	4.378.120	4.378.120
- Cổ phiếu phổ thông	4.378.120	4.378.120
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.378.120	4.378.120
- Cổ phiếu phổ thông	4.378.120	4.378.120
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP.

15d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận từ kết quả kinh doanh năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 ngày 26 tháng 04 năm 2024 như sau:

• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (10%)	:	724.939.016
• Trích quỹ đầu tư phát triển (15%)	:	1.087.408.524
• Chia cổ tức còn lại cho các cổ đông năm 2023	:	2.189.060.000
Cộng	:	4.001.407.540

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Chi tiết gồm:

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu cung cấp hàng hóa, thành phẩm	35.350.220.210	34.075.288.292
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	180.578.707	263.848.047
Cộng	35.530.798.917	34.339.136.339

Không có phát sinh doanh thu với các bên liên quan

2. Giá vốn hàng bán

Chi tiết

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	20.077.692.594	17.881.948.191
- Giá vốn dịch vụ	71.168.380	68.555.620
Cộng	20.148.860.974	17.950.503.811

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH

Địa chỉ: Số 539B, Ấp Thạnh Hựu, Xã Tam Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	436.635.648	924.326.833
- Lãi tiền gửi không kỳ hạn	3.880.952	2.921.892
Cộng	440.516.600	927.248.725

4. Chi phí bán hàng

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	2.406.780.215	2.441.839.037
- Chi phí công cụ, vật liệu	202.920.724	1.181.262.698
- Chi phí khấu hao	398.456.054	112.408.401
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	600.496.373	34.891.070
- Chi phí bằng tiền khác	88.907.927	81.914.539
Cộng	3.697.561.293	3.852.315.745

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	3.514.067.139	3.338.886.143
- Chi phí công cụ, vật liệu	15.529.000	14.770.273
- Chi phí khấu hao	396.672.496	476.035.637
- Thuế, phí, lệ phí và chi phí thuê đất	74.465.600	64.280.943
- Chi phí dự phòng	2.123.977	6.954.241
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	255.322.738	261.886.295
- Chi phí bằng tiền khác	266.235.877	203.490.754
Cộng	4.524.416.827	4.366.304.286

6. Thu nhập khác

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Khách hàng chuyển khoản dư	2.185.249	23.453.013
Cộng	2.185.249	23.453.013

7. Chi phí khác

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Khách hàng chuyển khoản thiếu	1.462.813	3.972.372
Cộng	1.462.813	3.972.372

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH

Địa chỉ: Số 539B, Ấp Thạnh Hựu, Xã Tam Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

8. Lãi trên cổ phiếu**8a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.035.627.287	7.249.390.162
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(603.562.729)	(724.939.016)
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ^(*)	(603.562.729)	(724.939.016)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.432.064.558	6.524.451.146
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (Cp)	4.378.120	4.378.120
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	1.241	1.490

^(*)Năm nay tạm trích theo tỷ lệ 10% theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 ngày 26 tháng 04 năm 2024, và Công ty sẽ điều chỉnh khi có Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025.

8b. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.035.627.287	7.249.390.162
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(603.562.729)	(724.939.016)
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ^(*)	(603.562.729)	(724.939.016)
Lợi nhuận tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.432.064.558	6.524.451.146
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (Cp)	4.378.120	4.378.120
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cp)	1.241	1.490

^(*)Năm nay tạm trích theo tỷ lệ 10% theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 ngày 26 tháng 04 năm 2024, và Công ty sẽ điều chỉnh khi có Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH

Địa chỉ: Số 539B, Ấp Thạnh Hựu, Xã Tam Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí vật liệu, đồ dùng	7.245.197.054	6.692.168.688
- Chi phí nhân công	10.595.860.576	10.239.086.802
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.292.797.297	6.960.900.728
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.374.507.012	797.943.627
- Chi phí bằng tiền khác	462.333.381	181.086.552
Cộng	27.970.695.320	24.871.186.397

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VND)**1. Tiền chi vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác**

	Năm nay	Năm trước
Tiền chi gửi tiết kiệm kỳ hạn 03 tháng	(19.000.000.000)	(7.000.000.000)
Cộng	(19.000.000.000)	(7.000.000.000)

2. Tiền thu hồi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác

	Năm nay	Năm trước
Thu hồi tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 03 tháng	19.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	19.000.000.000	20.000.000.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Nợ tiềm tàng**

Công ty không có khoản nợ tiềm tàng nào sẽ phát sinh tính đến thời điểm phát hành báo cáo này.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại thời điểm ngày 31/12/2024, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH

Địa chỉ: Số 539B, Ấp Thạnh Hựu, Xã Tam Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Thu nhập từ tiền lương, thưởng của các thành viên quản lý chủ chốt trực tiếp điều hành trong kỳ:

Thành viên quản lý chủ chốt	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Tăng Văn Hưng	Chủ tịch HĐQT	614.155.647	505.966.350
Ông Lê Vũ Phong	TV HĐQT kiêm Giám đốc	443.039.288	367.351.155
Bà Ngô Thị Cẩm Lý	Phó Giám đốc	572.948.953	473.300.822
Cộng		1.630.143.888	1.346.618.327

Thù lao của các thành viên quản lý không trực tiếp điều hành trong năm

Thành viên quản lý chủ chốt	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Cù Anh Tuấn	TV HĐQT	59.000.000	89.500.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Nga	TV HĐQT	60.500.000	-
Ông Phạm Đức Hải	TV HĐQT	119.500.000	89.500.000
Bà Nguyễn Thị Hương	TV HĐQT	15.000.000	36.000.000
Ông Võ Minh Hùng	Trưởng BKS	-	18.000.000
Ông Trương Ngọc Tú	Trưởng BKS	48.700.000	25.200.000
Bà Nguyễn Chi Thảo	TV BKS	48.700.000	43.200.000
Bà Mai Nguyễn Ngọc Anh	TV BKS	48.700.000	43.200.000
Cộng		400.100.000	344.600.000

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Tại thời điểm ngày 31/12/2024, Công ty không có số dư với các bên có liên quan với Công ty và trong năm không phát sinh giao dịch với các bên liên quan này.

3. Báo cáo bộ phận**Lĩnh vực kinh doanh**

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm:

- Cung cấp hàng hóa, thành phẩm: cung cấp nước sạch.
- Cung cấp dịch vụ: lắp đặt, sửa chữa.

▪ Kỳ này

Chỉ tiêu	Hàng hóa, thành phẩm	Dịch vụ	Cộng
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	35.350.220.210	180.578.707	35.530.798.917
- Giá vốn hàng bán	20.077.692.594	71.168.380	20.148.860.974
Lợi nhuận gộp	15.272.527.616	109.410.327	15.381.937.943

▪ Kỳ trước

Chỉ tiêu	Hàng hóa, thành phẩm	Dịch vụ	Cộng
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	34.075.288.292	263.848.047	34.339.136.339
- Giá vốn hàng bán	17.881.948.191	68.555.620	17.950.503.811
Lợi nhuận gộp	16.193.340.101	195.292.427	16.388.632.528

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH

Địa chỉ: Số 539B, Ấp Thạnh Hựu, Xã Tam Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

4. Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của một bên khác vào ngày 31/12/2024.

5. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Công ty không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Bến Tre, ngày 17 tháng 3 năm 2025.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



ĐOÀN THỊ NGỌC LAN

ĐOÀN THỊ NGỌC LAN

LÊ VŨ PHONG



CÔNG TY CP CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH

Địa chỉ: Số 539B, Ấp Thanh Hựu, Xã Tam Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A.	1	2	3	4
1. Số dư đầu năm trước	43.781.200.000	1.083.159.365	5.172.991.004	50.037.350.369
2. Tăng trong năm trước	-	612.144.256	7.249.390.162	7.861.534.418
- Lợi nhuận tăng	-	612.144.256	7.249.390.162	7.861.534.418
3. Giảm trong năm trước	-	-	(3.209.300.427)	(3.209.300.427)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	(612.144.256)	(612.144.256)
- Trích Quỹ khen thưởng	-	-	(408.096.171)	(408.096.171)
- Trích Quỹ phúc lợi	-	-	-	-
- Trích cổ tức phải trả	-	-	-	-
5. Số dư cuối năm trước/Đầu năm nay	43.781.200.000	1.695.303.621	(2.189.060.000)	(2.189.060.000)
6. Tăng trong năm nay	-	1.087.408.524	9.213.080.739	54.689.584.360
- Lợi nhuận tăng	-	1.087.408.524	6.035.627.287	7.123.035.811
7. Giảm trong năm nay	-	-	6.035.627.287	7.123.035.811
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	(4.001.407.540)	(4.001.407.540)
- Trích Quỹ khen thưởng	-	-	(1.087.408.524)	(1.087.408.524)
- Trích Quỹ phúc lợi	-	-	-	-
- Trích cổ tức phải trả	-	-	(724.939.016)	(724.939.016)
8. Số dư cuối năm nay	43.781.200.000	2.782.712.145	(2.189.060.000)	(2.189.060.000)
			11.247.300.486	57.811.212.631

Người lập biểu

(Chữ ký)

ĐOÀN THỊ NGỌC LAN

Kế toán trưởng

(Chữ ký)

ĐOÀN THỊ NGỌC LAN



Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

TỜ TRÌNH

Về việc trích lập quỹ và phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước sinh hoạt Châu Thành kính trình Đại hội đồng cổ đông về trích lập và sử dụng nguồn lợi nhuận sau thuế theo báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:

I. Phương án trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2024:

1. Trích lập các quỹ như sau:

TT	Diễn giải	ĐVT	Số trình thực hiện
1	Lợi nhuận sau thuế	đồng	6.035.627.287
2	Trích quỹ đầu tư phát triển 15%	đồng	905.344.093
3	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (10%), trong đó: - Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho CBNV - Quỹ thưởng ban quản lý, điều hành công ty	đồng	603.562.729 403.562.729 200.000.000
4	Lợi nhuận còn lại sau khi trích quỹ	đồng	4.526.720.465

2. Phân phối lợi nhuận như sau:

TT	Diễn giải	Tỷ lệ	Số trình thực hiện (đồng)
1	Lợi nhuận năm 2024 sau khi trích quỹ		4.526.720.465
2	Lợi nhuận còn lại các năm (12/2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023) chưa phân phối		5.211.673.199
3	Tổng lợi nhuận (mục 1 + 2)		9.738.393.664
4	Chia cổ tức Bằng cổ phiếu	0%	0
5	Lợi nhuận còn giữ lại (mục 3 - 4)		9.738.393.664

- **Lý do về việc không chia cổ tức:**

- Năm 2025, Nhà máy Tam Phước hoàn tất việc xây dựng và đưa vào sử dụng, để việc đầu tư và khai thác nhà máy được hiệu quả, Công ty cần có kế hoạch dài hơi trong việc đầu tư, xây dựng, đầu nối các tuyến ống mới để tăng áp lực đồng đều trên hệ thống cũng như giảm thất thoát nước. Do đó, Công ty cần có nguồn tài chính lớn để thực hiện kế hoạch trên. Với phương án tạm giữ lại cổ tức như trên sẽ giúp Công ty có nguồn để bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư trong năm 2025 và những năm tiếp theo, bên cạnh đó cũng giảm việc vay vốn để đầu tư tại các tổ chức tín dụng, góp phần làm giảm chi phí tài chính cho Công ty.

II. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025:

Theo kế hoạch kinh doanh của năm 2025, Hội đồng quản trị dự kiến kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 như sau:

TT	Diễn giải	Đvt	Số trình thực hiện
1	Lợi nhuận sau thuế	đồng	3.927.598.303
2	Trích quỹ đầu tư phát triển 15%	đồng	589.139.745
3	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (10%)	đồng	392.759.830
4	Cổ tức	Tùy thuộc vào kết quả sản xuất, kinh doanh năm 2025 và kế hoạch năm 2026, HĐQT sẽ trình ĐHCĐ thông qua trước khi thực hiện.	

Vậy để đáp ứng kế hoạch đầu tư, kinh doanh dài hạn, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 như trên.

Trân trọng./.

Bến Tre, ngày 04 tháng 04 năm 2025.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



TẶNG VĂN HƯNG

TỜ TRÌNH

Báo cáo tiền lương và thù lao HĐQT, BKS năm 2024; kế hoạch quỹ lương, thù lao năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cấp nước sinh hoạt Châu Thành;
- Xét kế hoạch tài chính năm 2025 của Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát (BKS) của Công ty như sau:

I. Báo cáo tiền lương và thù lao HĐQT, BKS năm 2024 như sau:

TT	Chức danh	Số người	Số tiền (đồng)
1	Tiền lương/thù lao HĐQT (trong đó HĐQT hưởng lương chuyên trách)	5	707.520.000
2	Thù lao BKS không chuyên trách	3	129.600.000
3	Tiền thưởng HĐQT		200.000.000
Tổng cộng			937.120.000

II. Kế hoạch tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2025 như sau:

TT	Chức danh	Số người	Số tiền (đồng)
1	Tiền lương/thù lao HĐQT	5	707.520.000
2	Thù lao BKS không chuyên trách	3	129.600.000
Tổng cộng			837.120.000

Trong đó:

Mức thù lao áp dụng cho thành viên HĐQT: 7.000.000đ/tháng.

Mức thù lao áp dụng cho BKS: 3.600.000đ/tháng.

Tiền lương của Chủ tịch HĐQT được áp dụng theo quy chế tiền lương của Công ty đã được HĐQT thông qua ban hành từng thời kỳ.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Bến Tre, ngày 04 tháng 04 năm 2025

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



TẶNG VĂN HƯNG



TỜ TRÌNH **Về việc ban hành Điều lệ mới của Công ty**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020.

Căn cứ yêu cầu thực tế trong quản trị, điều hành Công ty, Hội đồng quản trị Công ty đã rà soát Điều lệ hiện hành của Công ty. Trên cơ sở rà soát, Hội đồng quản trị nhận thấy một số điều khoản của Điều lệ Công ty cần được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và các yêu cầu quản trị, điều hành Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc ban hành Điều lệ mới của Công ty có nội dung chi tiết được quy định tại Dự thảo đính kèm tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Bến Tre, ngày 04 tháng 04 năm 2025.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



TĂNG VĂN HƯNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ
Tổ chức và hoạt động của
Công ty Cổ phần cấp nước sinh hoạt Châu Thành
(Sửa đổi, bổ sung lần thứ 5 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 29/04/2025)

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 28/06/2020;

Điều lệ của Công ty cổ phần cấp nước sinh hoạt Châu Thành là cơ sở pháp lý cho hoạt động của Công ty; các quy định của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết số 56/2022/NQ-ĐHĐCĐ của Hội đồng đồng cổ đông ngày 29 tháng 4 năm 2025.

I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc thuật ngữ của điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) Công ty là Công ty cổ phần cấp nước sinh hoạt Châu Thành;
- b) Vốn điều lệ là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 9 Điều lệ này;
- c) Luật Doanh nghiệp có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 28 tháng 06 năm 2020, và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- d) Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- e) Ngày thành lập là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
- f) Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

h) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Khoản 4 Điều 7 Điều lệ này;

i) *Việt Nam* là nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

j) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty cổ phần.

k) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty cổ phần;

l) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

m) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các Công ty con.

2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản nào khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế cho chúng.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

a) Tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH**

b) Tiếng nước ngoài: **CHAU THANH WATER SUPPLYING JOINT STOCK COMPANY**

c) Tên viết tắt: **CHAUTHANHWACO**

d) Logo:



2. Hình thức: Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

a) Địa chỉ trụ sở chính: Số 539B, Ấp Thạnh Hựu, Xã Tam Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre.

b) Điện thoại: 0275 3869 852

c) Fax: 0275 3869 852

d) Website: chauthanhwaco.vn

e) Email: chauthanhwaco@gmail.com

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 55, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có thể có tối đa hai (02) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị và/hoặc Giám đốc. Cụ thể, số lượng và chức danh làm đại diện pháp luật sẽ theo quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tại Công ty khi xuất cảnh khỏi Việt Nam.

4. Trường hợp hết ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc, hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác thay thế.

5. Trường hợp vắng mặt ở Việt Nam quá ba mươi (30) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty thì Hội đồng quản trị sẽ cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Huy động và sử dụng đồng vốn có hiệu quả nhất, không ngừng phát triển các nguồn lực, cải tiến chất lượng, nâng cao năng lực cạnh tranh nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài và vững chắc, tối đa hóa lợi nhuận, cải thiện điều kiện làm việc, ổn định cuộc sống cho người lao động, bảo đảm lợi ích hợp pháp cho cổ đông và làm tròn nghĩa vụ đối với nhà nước.

Điều 5. Nguyên tắc hoạt động

Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật. Các cổ đông cùng góp vốn, cùng phân chia lợi nhuận, cùng chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ về tài chính khác của Công ty trong phạm vi số vốn mình đã góp vào Công ty.

Điều 6. Ngành nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600 (chính)
2	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
3	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí.	4322
4	Bán buôn đồ uống	4633
5	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723

Điều 7. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty;

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

3. Địa bàn hoạt động của Công ty tại Việt Nam và ở nước ngoài theo đúng quy định của pháp luật;

4. Thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và vô hạn. Việc chấm dứt hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Người đại diện theo pháp luật

- Ông: Tăng Văn Hưng,
- Sinh năm: 1980; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam.
- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- CCCD số: 030080016614; cấp ngày 08/7/2022; Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- Địa chỉ thường trú: 57/12/2 Đường số 18, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Địa chỉ liên lạc: 57/12/2 Đường số 18, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện theo pháp luật của Công ty.

Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Công ty do Hội đồng quản trị Công ty phân công cụ thể theo quy chế làm việc và được quy định tại Điều 12, Điều 13 Luật Doanh nghiệp.

II. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG

Điều 9. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 43.781.200.000 đồng (Bốn mươi ba tỷ, bảy trăm tám mươi một triệu, hai trăm ngàn đồng), được chia thành 4.378.120 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Loại cổ phần là cổ phần phổ thông.

2. Trong đó:

- Tỷ lệ phần vốn tư nhân là 2.900.035 cổ phần, chiếm 66,24% vốn điều lệ tương đương 29.000.350.000 đồng;
- Phần vốn Nhà nước là 1.478.085 cổ phần, chiếm 33,76% vốn điều lệ tương đương 14.780.850.000 đồng.

3. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1301064707 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 28/11/2018. Căn cứ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, tính đến thời điểm hiện nay cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

6. Chào bán cổ phần

Chào bán cổ phần là việc Công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.

Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:

- a) Chào bán cho các cổ đông hiện hữu.
- b) Chào bán ra công chúng.
- c) Chào bán cổ phần riêng lẻ.
- d) Hình thức khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có

chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo Điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu số cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 11. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của đại diện theo Pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 12. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông là không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải nêu rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 14: Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
3. Giám đốc

III. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 15. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, Khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết, yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty.

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình, đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

c) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân, tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu

trong tổng số cổ phần của Công ty, vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 25 và Điều 37 Điều lệ này. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều 25 và Điều 37 Điều lệ này.

Điều 16. Nghĩa vụ của Cổ đông.

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật, chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;

- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
- a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 17. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký

của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

k) Phê duyệt, bổ sung, điều chỉnh Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;

l) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;

e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát;

f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

j) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;

k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;

m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

s) Phê duyệt, bổ sung, điều chỉnh Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát;

t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 19. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 20. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải ghi rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong họp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết/bầu cử;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần

của cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện đạt trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điều khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 22. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền vào số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu

quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia vào biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp; Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu phục vụ cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa Đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp:

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa

hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 23. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường

hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- f) Gia hạn hoạt động Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Lưu ý, trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo khoản 2 Điều 20 Điều lệ Công ty.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau:

- a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
- b) Phê duyệt, bổ sung, điều chỉnh Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- c) Định hướng phát triển Công ty;
- d) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- f) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

- g) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm
- h) Tổ chức lại, giải thể Công ty.
- i) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- f) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- k) Các vấn đề khác khi Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến

của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành, hoặc tỷ lệ khác theo qui định tại Luật Doanh nghiệp cho từng vấn đề đối với hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 25. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);

i) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

j) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của toà án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 27. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);
- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Các thông tin khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên, từ trên 20% đến 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên, từ trên 30% đến 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên, từ trên 40% đến 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên, từ trên 50% đến 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ trên 60% đến 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên, từ 70% trở lên được đề cử bảy (07) ứng viên trở lên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp vẫn không đủ số lượng cần

thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp ứng cử viên của Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 3 Điều này vẫn không số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị tổ chức cho các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

5. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 28. Thành phần và nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật này;

b) Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được là thành viên Hội đồng quản trị hoặc đương nhiệm các chức danh quản lý doanh nghiệp của đối thủ cạnh tranh. Ngoại trừ trường hợp do Công ty cử đại diện vốn tại doanh nghiệp khác mà Công ty có góp vốn.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 29. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại, quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư có mức đầu tư từ trên 5% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của Công ty;

g) Quyết định chiến lược phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị và các Phó Chủ tịch (nếu có); bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu

tập hợp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty, yêu cầu phá sản Công ty;

p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

q) Yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ theo quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 30. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội

đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 31. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (nếu có) do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f) Quyết định kế hoạch kinh doanh và phát triển cụ thể hàng tháng của Công ty theo kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị;
- g) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- h) Đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật người điều hành doanh nghiệp; đề xuất mức lương, thưởng và các lợi ích khác của người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định; quyết định phân công công việc cho Ban Giám đốc;
- i) Tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều chuyển, kỷ luật và cho thôi việc các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;
- j) Quyết định mức lương, thưởng và các lợi ích khác của các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;
- k) Kiến nghị số lượng và điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm, và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
- m) Ký kết hợp đồng kinh tế, đại diện Công ty trong các giao dịch của doanh

nghiệp trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện pháp luật của Công ty;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tam giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 32. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Các trường hợp khác khi xét thấy cần thiết.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng

quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp của Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ $\frac{3}{4}$ tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành

viên được ủy quyền cho Hội đồng quản trị khác dự họp và biểu quyết. Trường hợp ủy quyền cho người khác (không phải thành viên Hội đồng quản trị) thì phải được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Lưu ý, thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều 42 Điều lệ Công ty.

Điều 33. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này.

V. GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong việc

kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 35. Người điều hành Doanh nghiệp

1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người người điều hành doanh nghiệp khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành doanh nghiệp được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính 30ang năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Giám đốc; Trong trường hợp chưa tuyển dụng được Giám đốc Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một (01) Phó Giám đốc thường trực để đảm nhiệm các quyền hạn và nghĩa vụ của Giám đốc (Quyền Giám đốc).

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Giám đốc có quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

e) Tuyển dụng, điều động, cho thôi việc, khen thưởng, kỷ luật người lao động, trừ các chức danh quản lý thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng

quản trị;

f) Quyết định tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, trừ các chức danh quản lý thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị;

g) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

h) Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại Hội đồng cổ đông về việc thực hiện nghĩa vụ, quyền hạn được giao, và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Hợp đồng lao động ký với Công ty.

5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

Điều 37. Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ Công ty.

VI. BAN KIỂM SOÁT

Điều 38. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 24 Điều lệ này. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần và có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử theo khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp số lượng ứng viên do Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 2 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Thành phần Ban kiểm soát

Số lượng Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 40. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn

một nửa số số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát, phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp thông tin liên quan để báo cáo Trưởng Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Trưởng Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ngoài các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp Ban Kiểm soát phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác có liên quan đến việc thực thi nhiệm vụ được phân công của thành viên Ban Kiểm soát nếu được Ban Kiểm soát thông qua, và những thông tin này không thuộc phạm vi bí mật kinh doanh của Công ty. Người được cung cấp thông tin có trách nhiệm bảo mật thông tin được cung cấp, sử dụng đúng mục đích cho công việc được giao, có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công

ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 42. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 43. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát

Tiền lương thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;

2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

VII. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một các trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng thông những tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác và có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan..

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng và giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

b) Đối với những giao dịch có giá trị từ 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ

phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty phải bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ kiện dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ ủy quyền theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả chi phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

VIII. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 46. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đại diện đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của

mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XI. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 47. Công nhân viên và Công đoàn

1. Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người quản lý.

2. Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

X. TRẢ CỔ TỨC, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, LẬP QUỸ VÀ NGUYÊN TẮC CHỊU LỖ TRONG KINH DOANH

Điều 48. Trả cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

a. Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

b. Đã trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

c. Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều lệ Công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và có thể được chi trả bằng séc, chuyển khoản hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của cổ đông.

4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:

- a. Tên công ty và địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- b. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân;
- c. Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;
- d. Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;
- đ) Thời điểm và phương thức trả cổ tức;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các điều 122, 123 và 124 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

Điều 49. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Theo quy định của Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả

có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng phương án chi trả cổ tức và trích lập các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

8. Trường hợp kinh doanh thua lỗ, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định giải quyết kịp thời theo các giải pháp:

- Trích từ quỹ dự phòng để bù lỗ.
- Chuyển một phần lỗ sang năm sau, đồng thời Đại hội đồng cổ đông phải quyết định các biện pháp khắc phục.

XI. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 50. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 51. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 52. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế

độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XII. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 53. Báo cáo tài chính năm

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định của pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

Điều 54. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XIII. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 55. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý

kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XIV. CON DẤU

Điều 56. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XV. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, THANH LÝ VÀ PHÁ SẢN

Điều 57. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a) Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
- b) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 58. Giải thể

1. Tối thiểu sáu (06) tháng sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban giải thể gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban giải thể chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban giải thể có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban giải thể có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động của Ban thanh lý. Kể từ thời điểm đó, Ban giải thể thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến giải thể Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc giải thể được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí giải thể;
- b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản nợ khác của Công ty;

f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (đ) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Điều 59. Trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp

Việc giải thể doanh nghiệp trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 201 của Luật Doanh nghiệp được thực hiện trình tự, thủ tục giải thể theo quy định tại Điều 202 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 60. Phá sản

Việc phá sản doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

XVI. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 61. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người quản lý các cấp, các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XVII. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 62. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XVIII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 63. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 18 chương 63 điều được nhất trí thông qua ngày 29 tháng 04 năm 2025 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành chín (09) bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a) Bốn (04) bản đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định;
 - b) Năm (05) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị./.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**TM.ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

TỜ TRÌNH

Về việc hủy tư cách Công ty Đại chúng, hủy đăng ký niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), hủy đăng ký chứng khoán tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC).

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cấp nước sinh hoạt Châu Thành.

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần cấp nước sinh hoạt Châu Thành kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc hủy tư cách Công ty đại chúng như sau:

1. Thông qua việc hủy tư cách Công ty Đại chúng, hủy đăng ký niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), hủy đăng ký chứng khoán tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC).

Căn cứ điểm a, Khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 quy định “*Công ty đại chúng là Công ty có vốn Điều lệ đã góp từ 30 tỷ đồng trở lên và có tối thiểu là 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết do ít nhất 100 nhà đầu tư không phải là cổ đông lớn nắm giữ*”.

Theo thực tế hiện nay, cổ đông và vốn góp của Công ty cổ phần cấp nước sinh hoạt Châu Thành như sau:

- Vốn Điều lệ đã góp là 43.781.200.000 đồng, căn cứ Giấy đăng ký doanh nghiệp số 1301064707 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 11 năm 2018, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 06 tháng 11 năm 2024 và Báo cáo Tài chính đã kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

- Cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến ngày 31/03/2025 như sau:

STT	Nội dung	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông lớn	4	3.833.694 CP	88%
2	Cổ đông khác	33	544.426 CP	12%
Tổng cộng		37	4.378.120	100%

- Cổ đông lớn gồm 4 cổ đông chiếm 88% số cổ phần có quyền biểu quyết, cổ đông không phải là cổ đông lớn gồm 33 cổ đông chiếm 12% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Như vậy, căn cứ theo cơ cấu trên, Công ty cổ phần cấp nước sinh hoạt Châu Thành không còn đáp ứng điều kiện là Công ty đại chúng.

Căn cứ tình hình thực tế như trên và đảm bảo công tác quản lý, điều hành Công ty được chủ động và phù hợp với tình hình thực tế, Hội đồng quản trị thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy tư cách công ty đại chúng, hủy đăng ký niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), hủy đăng ký chứng khoán tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC).

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các nội dung công việc cần thiết để hoàn tất việc hủy tư cách Công ty đại chúng; hủy đăng ký niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), hủy đăng ký chứng khoán tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) theo phương án được ĐHĐCĐ thông qua, bao gồm nhưng không giới hạn: bổ sung, chỉnh sửa các nội dung liên quan đến phương án hủy tư cách công ty đại chúng, hủy đăng ký niêm yết cổ phiếu và hủy đăng ký chứng khoán theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước, quyết định thời gian triển khai thực hiện, xây dựng hồ sơ, triển khai các thủ tục với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam theo đúng quy định.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung trên.

Trân trọng./.

Bến Tre, ngày 04 tháng 04 năm 2025.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



TĂNG VĂN HƯNG

TỜ TRÌNH

Miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cấp nước sinh hoạt Châu Thành;
- Căn cứ Đơn từ nhiệm chức danh thành viên BKS nhiệm kỳ 2023 - 2028 của Bà Mai Nguyễn Ngọc Anh ngày 31/03/2025;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước sinh hoạt Châu Thành kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét các nội dung liên quan đến việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát (BKS) cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023 - 2028 như sau:

I. Miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát:

Tại Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2023, Đại hội đã bầu ra 3 thành viên Ban kiểm soát bao gồm:

1. Bà Trương Ngọc Tú - Trưởng ban kiểm soát
2. Bà Nguyễn Chi Thảo - Thành viên
3. Bà Mai Nguyễn Ngọc Anh - Thành viên.

Trên cơ sở đơn từ nhiệm chức danh thành viên BKS của Bà Mai Nguyễn Ngọc Anh, Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc miễn nhiệm chức vụ thành viên BKS nhiệm kỳ 2023 - 2028 đối với Bà Mai Nguyễn Ngọc Anh từ ngày 31/03/2025.

II. Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát:

1. Số lượng bầu bổ sung thành viên BKS Công ty được bầu nhiệm kỳ 2023 - 2028 là: 01 thành viên.
2. Nhiệm kỳ thành viên bổ sung BKS: Thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023 - 2028

3. Danh sách ứng viên sẽ được cập nhật đến hết ngày 15/04/2025 theo giấy đề cử/ứng cử từ cổ đông/nhóm cổ đông đủ tỷ lệ đề cử/ứng cử theo quy định tại Điều lệ công ty. Thông tin về các ứng viên sẽ được gửi đến Quý cổ đông trong tài liệu Đại hội.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét./.

Bến Tre, ngày 04 tháng 04 năm 2025.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



TẶNG VĂN HÙNG



TỜ TRÌNH
Về việc thông qua danh sách ứng viên
bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2023 - 2028.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần cấp nước sinh hoạt Châu Thành;
- Căn cứ Đơn đề cử ứng viên BKS của Công ty cổ phần DIC Môi Trường.

Công ty đã thông báo về việc ứng cử, đề cử bổ sung thành viên BKS đến Quý cổ đông. Xét hồ sơ đề cử, ứng cử hợp lệ của cổ đông/nhóm cổ đông có đủ điều kiện ứng cử, đề cử. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét bầu bổ sung 01 (một) thành viên BKS nhiệm kỳ 2023 – 2028, với danh sách ứng cử như sau:

1. Bà Dương Thị Hồng Tuyết.

Xét theo các tiêu chuẩn, điều kiện và hồ sơ hợp lệ, Bà Dương Thị Hồng Tuyết đáp ứng theo yêu cầu để đưa vào danh sách bầu cử BKS. Thông tin của ứng viên đã được gửi đến Quý cổ đông trong tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Việc bầu bổ sung thành viên BKS được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế bầu cử của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2023 - 2028 như trên./.

Bến Tre, ngày 04 tháng 04 năm 2025.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



TĂNG VĂN HƯNG

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT KỲ 2023-2028

(Áp dụng cho cổ đông)

Kính gửi: Công ty cổ phần cấp nước sinh hoạt Châu Thành.

- Họ tên cổ đông: Công ty cổ phần DIC Môi Trường.
- CMND/CCCD/Hộ chiếu/GĐKDN số: 1301057354. Ngày cấp: 01/08/2018
Nơi cấp: Sở KHĐT Tỉnh Bến Tre.
- Người đại diện theo pháp luật (nếu có): Ông Tăng Văn Hưng.
- Số lượng cổ phần sở hữu (Tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024): 811.125 cổ phần, chiếm 18,53% vốn điều lệ Công ty.
- Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: 8.111.250.000 (đồng).

Đề nghị Công ty Cổ phần cấp nước sinh hoạt Châu Thành cho tôi đề cử:

1. Bà Dương Thị Hồng Tuyền

CMND/CCCD/Hộ chiếu số: 001177024645. Ngày cấp: 27/04/2021. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ thường trú: 560/15/5 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội.

Trình độ học vấn: Cử nhân.

Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh.

Hiện đang sở hữu: 105.000 (cổ phần).

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: 1.050.000.000 (đồng).

Làm ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần cấp nước sinh hoạt Châu Thành nhiệm kỳ 2023 - 2028.

Xin trân trọng cảm ơn.

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu/Hộ khẩu thường trú.
- Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên.
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có).

Bến Tre , ngày 04 tháng 04 năm 2025.

Người đề cử

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



TĂNG VĂN HÙNG

